

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI CHÍNH

Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2015
quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu,
thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

Phụ lục V
BIỂU MẪU VỀ THỦ TỤC HẢI QUAN; KIỂM TRA, GIÁM SÁT HẢI QUAN
(Ban hành kèm Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính)

(Tiếp theo Công báo số 515 + 516)

Mẫu số 11/QĐTDGS/GSQL

CỤC HẢI QUAN.....
TÊN ĐƠN VỊ BAN HÀNH

Số:...../QĐ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng... năm.....

QUYẾT ĐỊNH

V/v tạm dừng đưa hàng hóa qua khu vực giám sát

CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC HẢI QUAN.....

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Xét đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tạm dừng đưa qua khu vực giám sát tại cảng/cửa khẩu..... đối với lô hàng..... của (tên doanh nghiệp)....., mã số thuế:..... xuất khẩu/nhập khẩu theo tờ khai hải quan số..... ngày.../.../20.... được đăng ký tại Chi cục Hải quan..... thuộc Cục Hải quan tỉnh, thành phố.....

Lý do tạm dừng:.....

Thời gian tạm dừng là..... ngày kể từ ngày ban hành quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Đội trưởng Đội..... và Giám đốc (tên doanh nghiệp)..... chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục trưởng Cục HQ.. (để báo cáo);
- Chi cục HQ nơi đăng ký tờ khai (để p/h);
- Lưu:.....

CHI CỤC TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu đơn vị)

Mẫu số 12/TB-CSSX/GSQL**TÊN TỔ CHỨC/
DOANH NGHIỆP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày... tháng... năm.....

**THÔNG BÁO CƠ SỞ SẢN XUẤT, NƠI LƯU GIỮ NL, VT, MMTB
VÀ SP XUẤT KHẨU**

Kính gửi: Chi cục Hải quan.....

I. Thông tin đơn vị:

1. Tên Tổ chức/cá nhân:.....
2. Mã số thuế hiện thời:.....
3. Mã số thuế trước khi thay đổi (nếu có):.....
 - Tên tổ chức/cá nhân trước khi chuyển đổi:
 - Lý do chuyển đổi (sáp nhập, chia, tách, thay đổi mã số):
4. Địa chỉ trụ sở chính:.....
 - Trụ sở thuộc quyền sở hữu của DN
 - Trụ sở thuê
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị (hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên):
 - Số CMND/hộ chiếu: Ngày cấp: Nơi cấp:
 - Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
 - Số điện thoại:
6. Tổng giám đốc (hoặc Giám đốc):
 - Số CMND/hộ chiếu: Ngày cấp: Nơi cấp:
 - Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
 - Số điện thoại:
7. Nước đầu tư (ghi rõ nước đầu tư, trường hợp nhiều nước thì ghi cụ thể):.....
8. Ngành nghề sản xuất (ghi theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/giấy chứng nhận đầu tư/giấy phép đầu tư)
9. Lịch sử kiểm tra cơ sở sản xuất, năng lực sản xuất (nêu rõ một trong 02 trường hợp dưới đây):
 - 9.1. Tổ chức cá nhân **chưa được** cơ quan hải quan kiểm tra
 - 9.2. Tổ chức cá nhân **đã được** cơ quan hải quan kiểm tra

Trường hợp đã được cơ quan hải quan kiểm tra trước thời điểm thông báo thì ghi đầy đủ thông tin về: số biên bản kiểm tra, số kết luận kiểm tra, ngày, tháng, năm....

II. Nội dung:**A. Tổng số cơ sở sản xuất:.....**

1. Cơ sở sản xuất nằm trong khu vực nhà máy:.....

1.1. Địa chỉ CSSX 1:.....

- Cơ sở sx thuộc quyền sở hữu của DN: ; Cơ sở sx thuê:

- Tổng số lượng máy móc, dây chuyền trang thiết bị:.....

- (Trong đó: Sở hữu:.....; Đi thuê:.....; khác.....)

- Năng lực sản xuất: Nêu rõ năng lực sản xuất sản phẩm xuất khẩu tối đa trong một năm/tháng/ngày:.....

- Cơ sở sản xuất trên phù hợp với nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu thuộc ngành hàng (tích vào ô tương ứng với ngành hàng):

Da giày: May mặc: Điện tử, điện lạnh: Chế biến thực phẩm: Cơ khí: Gỗ: Nhựa: Nông sản: loại khác:

- Chu kỳ sản xuất sản phẩm theo từng ngành nghề:.....

1.2. Địa chỉ CSSX 2:.....

Trường hợp có nhiều hơn một CSXX thì thông báo tương tự điểm 1.1 trên.

2. Số cơ sở sản xuất nằm ngoài nhà máy:.....

2.1 Địa chỉ CSSX 1:.....

- Cơ sở sx thuộc quyền sở hữu của DN: ; Cơ sở sx thuê:

- Tổng số lượng máy móc, dây chuyền trang thiết bị:.....

(Trong đó: Sở hữu:.....; Đi thuê:.....; khác.....)

- Năng lực sản xuất: Nêu rõ năng lực sản xuất sản phẩm xuất khẩu tối đa trong một năm/tháng/ngày:

- Chu kỳ sản xuất sản phẩm theo từng ngành nghề:.....

- Cơ sở sản xuất trên phù hợp với nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu thuộc ngành hàng (tích vào ô tương ứng với ngành hàng):

Da giày: May mặc: Điện tử, điện lạnh: Chế biến thực phẩm: Cơ khí: Gỗ: Nhựa: Nông sản: loại khác:

2.2. Trường hợp có nhiều hơn một CSXX thì thông báo tương tự điểm 2.1 trên.

B. Năng lực sản xuất (tính cho tất cả các CSSX nếu tổ chức, cá nhân có nhiều CSSX):

Trong 01 năm/quý/tháng/tuần/ngày, tổ chức cá nhân sản xuất được..... sản phẩm.

C. Ngành hàng sản xuất chính (tích vào ô tương ứng):Da giày: May mặc: Điện tử, điện lạnh: Chế biến thực phẩm: Cơ khí: Gỗ: Nhựa: Nông sản: loại khác:

D. Tình hình nhân lực (tính cho tất cả các CSSX nếu tổ chức cá nhân có nhiều CSSX):

- Bộ phận quản lý:..... Người;

- Số lượng công nhân:..... Người.

E. Là Công ty mẹ nhập khẩu, cung ứng nguyên liệu, vật tư để gia công, sản xuất xuất khẩu cho các đơn vị thành viên trực thuộc..... có CSSX:

- Số đơn vị thành viên:..... Cụ thể:

- Đơn vị thành viên 1:..... mã số thuế:.....

Địa chỉ CSSX 1:.....

- Đơn vị thành viên 2 (tương tự)

F. Là Công ty thành viên trực thuộc Công ty mẹ nhập khẩu, cung ứng nguyên liệu, vật tư để sản xuất xuất khẩu cho các đơn vị thành viên khác trực thuộc Công ty mẹ..... có CSSX:

Số đơn vị thành viên:..... Cụ thể:

- Đơn vị thành viên 1:..... mã số thuế:.....

Địa chỉ CSSX 1:.....

- Đơn vị thành viên 2 (tương tự).

G. Là Công ty thành viên nhập khẩu, cung ứng nguyên liệu, vật tư để sản xuất xuất khẩu cho các đơn vị trực thuộc Công ty thành viên có CSSX:

Số chi nhánh:..... Cụ thể:

- Chi nhánh 1:..... mã số thuế:.....

Địa chỉ chi nhánh 1:.....

- Chi nhánh 2 (tương tự)

III. Về sự tuân thủ pháp luật:

Trong vòng 730 ngày, tổ chức cá nhân (tích vào ô tương ứng):

- Bị xử lý về hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, trốn thuế:

Có Không

- Bị xử phạt về hành vi trốn thuế, gian lận thuế:

Có Không

- Bị các cơ quan quản lý nhà nước xử phạt vi phạm trong lĩnh vực kế toán:

Có Không

Tổ chức/cá nhân xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung cam kết trên. Trường hợp có thay đổi các thông tin trên, Tổ chức/cá nhân sẽ thực hiện khai và cam kết lại.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 13/KTCSSX/GSQL

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-.....

....., ngày..... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH**Về việc kiểm tra cơ sở sản xuất, năng lực sản xuất****THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN HẢI QUAN BAN HÀNH.....**

- Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012;
- Căn cứ Luật quản lý thuế số 78/2014/QH10 ngày 29 tháng 11 năm 2006;
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế ngày 20 tháng 11 năm 2012;
- Căn cứ Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14/6/2005;
- Căn cứ Luật thuế giá trị gia tăng ngày 03 tháng 6 năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng ngày 19 tháng 6 năm 2013;
- Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều các Luật về thuế ngày 29 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hải quan;
- Căn cứ Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung các Nghị định về thuế;
- Căn cứ Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thương mại;
- Căn cứ....

Trên cơ sở xem xét.....

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Kiểm tra cơ sở sản xuất, năng lực sản xuất đối với.....*Ghi rõ tên, địa chỉ cơ sở sản xuất hoặc nơi lưu trữ NVL cần kiểm tra, mã số thuế, địa chỉ của tổ chức, cá nhân***Điều 2.** Thành phần kiểm tra:....*Ghi rõ thành phần tham gia kiểm tra***Điều 3.** Thời gian kiểm tra:.....*Ghi rõ thời gian bắt đầu kiểm tra, thời gian dự kiến kết thúc kiểm tra.***Điều 4.** Nội dung kiểm tra:.....*Ghi rõ nội dung kiểm tra, yêu cầu tài liệu, giới hạn kiểm tra để tổ chức, cá nhân biết, chuẩn bị và phối hợp với cơ quan thực hiện kiểm tra.***Nơi nhận:**

- Tên tổ chức, cá nhân;
- Cục HQ.....;
- Lưu: VT, đơn vị soạn thảo (...b).

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN HẢI QUAN
CÓ THẨM QUYỀN

Mẫu số 14/KT-CSSX/GSQL

CỤC HẢI QUAN.....
CHI CỤC HẢI QUAN....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../BB-KTCSSX

BIÊN BẢN KIỂM TRA CƠ SỞ SẢN XUẤT

Căn cứ quy định tại Điều... Thông tư số.../20../TT-BTC ngày.../.../20.. của Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục hải quan;

Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm..... tại....., Chúng tôi gồm:

I. Đại diện cơ quan Hải quan:

1. Ông (bà):..... Chức vụ:..... Đơn vị.....
2. Ông (bà):..... Chức vụ:..... Đơn vị.....

II. Đại diện theo pháp luật của tổ chức, cá nhân:

1. Ông (bà):..... Chức vụ:..... Đơn vị.....
2. Ông (bà):..... Chức vụ:..... Đơn vị.....

III. Đại diện theo pháp luật của thương nhân nhận gia công lại (nếu có):

1. Ông (bà):..... Chức vụ:..... Đơn vị.....
2. Ông (bà):..... Chức vụ:..... Đơn vị.....

IV. Người làm chứng (nếu có):

1. Ông(bà):..... Năm sinh..... Quốc tịch.....
Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp..... Nơi cấp.....

Xác nhận kết quả kiểm tra cơ sở sản xuất của Công ty..... như sau:

Địa chỉ:.....

2. Quyền sử dụng đất đai, nhà xưởng (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng thuê đất, nhà xưởng...):

3. Quyền sở hữu, sử dụng của thương nhân đối với máy móc, thiết bị nhập khẩu:

- Tờ khai nhập khẩu:.....
- Thuê, mượn theo hợp đồng.....

4. Số lượng, chủng loại máy móc, thiết bị thực tế:.....

5. Tình trạng hoạt động của tổ chức, cá nhân (tình hình nhân lực bố trí trên dây chuyền sản xuất, số lượng lao động hiện có tại thời điểm kiểm tra, bảng lương, bảo hiểm...):

6. Kiểm tra năng lực sản xuất của thương nhân:.....

Biên bản kết thúc vào hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm.....

Biên bản được lập thành..... bản; mỗi bản gồm..... tờ; có nội dung và giá trị như nhau.

Đã giao cho... 01 bản.

Sau khi đọc biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản và cùng ký vào biên bản.

7. Ý kiến bổ sung khác (nếu có).

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN HẢI QUAN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 15/BCQT/GSQL

Tên tổ chức/cá nhân:.....
 Mã số:
 Địa chỉ:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN NGUYÊN LIỆU, VẬT TƯ, THÀNH PHẨM SẢN XUẤT TỪ NGUỒN NHẬP KHẨU
 Năm:.....

STT	Tài khoản	Tên, quy cách nguyên vật liệu, hàng hóa	Số tiền (vnd)				Ghi chú
			Tồn đầu kỳ (01/01/2015)	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1		Nguyên liệu, vật liệu nhập khẩu	500	200	300	400	
2		Thành phẩm được sản xuất từ nguồn nhập khẩu	100	300	150	250	

Ngày tháng năm

NGƯỜI LẬP
 (Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
 (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn lập bảng

1. Biểu mẫu trên áp dụng cho các doanh nghiệp Gia công, NSXXXK, doanh nghiệp hoạt động trong khu phi thuế quan và DNCX. Trường hợp một doanh nghiệp hoạt động nhiều loại hình thì lập báo cáo quyết toán riêng cho từng loại hình;
2. Doanh nghiệp hoạt động NSXXXK, (bao gồm doanh nghiệp trong khu phi thuế quan và DNCX hoạt động NSXXXK), tổng hợp số liệu về "nguyên liệu, vật tư nhập khẩu", "thành phẩm" từ các tài khoản tương ứng 152 và 155 quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hoặc Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC của Bộ Tài chính;
3. Doanh nghiệp gia công cho thương nhân nước ngoài (bao gồm doanh nghiệp trong khu phi thuế quan và DNCX nhận gia công cho nước ngoài hoặc nhận gia công cho doanh nghiệp trong khu phi thuế quan, DNCX khác): Lập số chi tiết, số tổng hợp theo dõi nguyên vật liệu, thành phẩm tương tự các tài khoản 152 và 155 quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC.
4. Tổng trị giá xuất trong kỳ tại cột (6) bao gồm: Xuất khẩu hoặc xuất trả ra nước ngoài; xuất khẩu tại chỗ; chuyển sang hợp đồng gia công khác; nguyên liệu, vật tư tiêu hủy hoặc bị thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ trong quá trình gia công, sản xuất hàng xuất khẩu. Trường hợp tổ chức, cá nhân tiêu hủy nguyên liệu, vật tư hoặc bị thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ đủ điều kiện đã được miễn thuế, không thu thuế, hoàn thuế thì ghi rõ số lượng, trị giá vào ô ghi chú tại cột (8).

Mẫu số 16/BCQT-MMTB/GSQL

Tên tổ chức/cá nhân:..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
 Mã số: **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
 Địa chỉ doanh nghiệp:.....

**BẢNG BÁO CÁO QUYẾT TOÁN SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ
 THEO TỪNG HỢP ĐỒNG GIA CÔNG**

STT	Số hợp đồng	Tên máy móc, thiết bị tạm nhập	Đơn vị tính	Số lượng tạm nhập	Số lượng tái xuất	Số lượng máy móc, thiết bị chuyển sang HĐGC khác trong khi thực hiện HĐGC		Số lượng máy móc, thiết bị còn lại chưa tái xuất
						Số lượng	Số, ngày hợp đồng GC	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1								
2								
...	...							
Tổng cộng:								

NGƯỜI LẬP
 (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ngày..... tháng.... năm...
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
 CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**
 (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 17/XL-HĐGC/GSQL**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

Số:...../.....

v/v thông báo phương án xử lý
nguyên liệu, vật tư dư thừa;
máy móc, thiết bị thuê, mượn;
phế liệu, phế phẩm**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

Kính gửi: Chi cục Hải quan.....

Ngày...., Công ty chúng tôi, mã số thuế:..... có địa chỉ..., điện thoại... fax... đã thực hiện hợp đồng/phụ lục hợp đồng gia công số..... ngày..... năm..... với đối tác nước ngoài là Công ty..... địa chỉ.....

Đến nay, Công ty chúng tôi đã thực hiện xong hợp đồng gia công số.... ngày.... tháng.... năm..... và đã tiến hành thanh lý hợp đồng với đối tác nước ngoài theo Biên bản thanh lý số..... ngày..... tháng..... năm..... (kèm theo).

Căn cứ Biên bản thanh lý hợp đồng gia công dẫn trên, chúng tôi đề nghị Chi cục Hải quan..... làm thủ tục hải quan xử lý nguyên vật liệu dư thừa, máy móc thiết bị thuê mượn như sau:

+ Về nguyên liệu vật tư dư thừa:..... (nêu rõ phương án xử lý theo quy định tại khoản... Điều... Thông tư...../2015/TT-BTC);

+ Về máy móc thiết bị thuê mượn:..... (nêu rõ phương án xử lý theo quy định tại khoản... Điều... Thông tư...../2015/TT-BTC).

+ Về sản phẩm hoàn chỉnh chưa xử lý hết:..... (nêu rõ phương án xử lý theo quy định tại khoản... Điều... Thông tư...../2015/TT-BTC).

Chúng tôi cam kết chậm nhất 30 ngày kể từ ngày được Chi cục Hải quan.... đồng ý sẽ làm xong thủ tục xử lý nguyên vật liệu, máy móc thiết bị theo quy định của pháp luật.

....., ngày..... tháng..... năm.....
**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**
(Ký, ghi rõ họ tên; đóng dấu)

Ý kiến của Chi cục Hải quan nơi quyết toán hợp đồng gia công:

Trên cơ sở đề nghị của tổ chức, cá nhân, Lãnh đạo Chi cục phê duyệt ý kiến.

LÃNH ĐẠO CHI CỤC

(Ghi ngày tháng năm, ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 18/NTXD-DNCX/GSQL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO HÀNG HÓA NHẬP KHẨU THEO HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

Kính gửi: Chi cục Hải quan.....

Tên nhà thầu:.....

Tên DNCX:.....

Mã số:.....

Mã số thuế:.....

Địa chỉ:.....

Địa chỉ:.....

Số, ngày hợp đồng xây dựng:.....

Giá trúng thầu:.....

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Trị giá ghi trên tờ khai	Số, ngày tờ khai nhập khẩu
1					
2					
3	...				
Tổng cộng:					

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DNCX
(Ký tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA NHÀ THẦU
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 19/NXTK-DNCX/GSQL**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN:.....****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Mã số thuế:.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa chỉ kho thuê:.....

BÁO CÁO HÀNG HÓA GỬI KHO THUÊ BÊN NGOÀI DNCX*Kỳ báo cáo: Quý:..... năm:.....*

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Tồn kho đầu kỳ	Nhập kho trong kỳ		Xuất kho trong kỳ		Tồn kho
				Số lượng	Số chứng từ	Số lượng	Số chứng từ	
1								
2								
3								

....., ngày.... tháng.... năm.....

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- *Cột số chứng từ: Doanh nghiệp liệt kê số chứng từ thể hiện hàng hóa đưa từ DNCX đến kho thuê hoặc từ kho thuê đưa về DNCX như phiếu xuất kho, phiếu nhập kho hoặc các chứng từ khác tương đương.*

Mẫu số 20/TBXNKTC/GSQL

CỤC HẢI QUAN.....
 CHI CỤC HẢI QUAN.....
 Số:...../TB-XNKTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

V/v làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ

Kính gửi: Cục Thuế.....

Chi cục Hải quan..... thuộc Cục Hải quan tỉnh, thành phố..... xin thông báo tình hình làm thủ tục nhập khẩu tại chỗ của các doanh nghiệp đã làm thủ tục hải quan (từ ngày...../...../..... Đến ngày...../...../.....):

Số TT	Tên, địa chỉ DN	Tờ khai nhập khẩu tại chỗ	Tờ khai xuất khẩu tại chỗ	Trị giá (vnd)	Thuế nhập khẩu (vnd)	Ghi chú
1	Doanh nghiệp A	Tờ khai... ngày... tháng... năm	Tờ khai... ngày... tháng... năm			
		Tờ khai... ngày... tháng... năm	Tờ khai... ngày... tháng... năm			
2	Doanh nghiệp B	Tờ khai... ngày... tháng... năm	Tờ khai... ngày... tháng... năm			
		Tờ khai... ngày... tháng... năm	Tờ khai... ngày... tháng... năm			
...	
Tổng cộng:				

Chi cục Hải quan..... xin thông báo để Quý Cục biết, theo dõi.

Nơi nhận:

- Tổng cục Thuế;
- Lưu:.....

LÃNH ĐẠO CHI CỤC HẢI QUAN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu Chi cục)

Mẫu số 21/BKTrC/GSQL

BẢN KÊ HÀNG HÓA ĐÓNG TRONG CONTAINER TRUNG CHUYÊN
(Bản Hải quan lưu)

1. Đơn vị kinh doanh dịch vụ trung chuyên:
2. Phương tiện vận tải: - Tên, số hiệu, chuyên.....
 - Ngày nhập cảnh:...../...../.....
 - Cảng dỡ hàng.....

SỐ TT	I. PHẦN KÊ KHAI HÀNG NHẬP CẢNG						III. PHẦN KÊ KHAI HÀNG XUẤT CẢNG			IV. XÁC NHẬN CỦA HẢI QUAN CK NHẬP
	Số vận đơn	Tổng số cont	Số hiệu, loại cont, số seal hãng tàu	Quy cách và trọng lượng (kgs)	Chủng loại hàng	Tên, địa chỉ chủ hàng	Tên PTVT	Ngày xuất cảnh	Ký tên, đóng dấu	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(9)	(10)	(11)	(12)
.....										
.....										
Ngày..... tháng..... năm..... (Ký tên, đóng dấu) Một số lưu ý về cont hàng hóa (như: hàng đã được gia cố, đóng gói lại,...):										

<p style="text-align: center;">V. THANH KHOẢN CỦA HQ CK NHẬP⁽¹³⁾</p> <p>Tổng số conts xuất:.....; trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Loại 20’: - Loại 40’: - Loại khác: 	<p style="text-align: center;">II. XÁC NHẬN CỦA HẢI QUAN CK NHẬP⁽⁸⁾</p> <p>Tổng số conts nhập:.....; trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Loại 20’: - Loại 40’: - Loại khác:
--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Ghi chú: - Cột (6): Ghi loại hàng hóa chung nhất, ví dụ: hàng văn phòng phẩm, tạp hóa, mỹ phẩm, dược phẩm,...

- Cột (8), (12), (13) công chức hải quan ký tên, đóng dấu công chức.

Mẫu số 21/BKTrC/GSQL

BẢN KÊ HÀNG HÓA ĐÓNG TRONG CONTAINER TRUNG CHUYÊN

(Bản người khai hải quan lưu)

1. Đơn vị kinh doanh dịch vụ trung chuyên:
2. Phương tiện vận tải: - Tên, số hiệu, chuyên.....
 - Ngày nhập cảnh:...../...../.....
 - Cảng dỡ hàng.....

SỐ TT	I. PHẦN KÊ KHAI HÀNG NHẬP CẢNG					III. PHẦN KÊ KHAI HÀNG XUẤT CẢNG			IV. XÁC NHẬN CỦA HẢI QUAN CK NHẬP	
	Số vận đơn	Tổng số cont	Số hiệu, loại cont, số seal hãng tàu	Quy cách và trọng lượng (kgs)	Chủng loại hàng	Tên, địa chỉ chủ hàng	Tên PTVT	Ngày xuất cảnh		Ký tên, đóng dấu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(9)	(10)	(11)	(12)
.....										
.....										
Ngày..... tháng..... năm..... (Ký tên, đóng dấu) Một số lưu ý về cont hàng hóa (như: hàng đã được gia cố, đóng gói lại,...):										

<p style="text-align: center;">II. XÁC NHẬN CỦA HẢI QUAN CK NHẬP⁽⁸⁾</p> <p>Tổng số conts nhập:.....; trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Loại 20’: - Loại 40’: - Loại khác: 	<p style="text-align: center;">V. THANH KHOẢN CỦA HQ CK NHẬP⁽¹³⁾</p> <p>Tổng số conts xuất:.....; trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Loại 20’: - Loại 40’: - Loại khác:
-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Ghi chú: - Cột (6): Ghi loại hàng hóa chung nhất, ví dụ: hàng văn phòng phẩm, tạp hóa, mỹ phẩm, dược phẩm,....
 - Cột (8), (12), (13) công chức hải quan ký tên, đóng dấu công chức.

Mẫu số 22/CKHH/GSQL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

*Hà Nội, ngày..... tháng... năm 20....***VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHUYỂN KHẨU HÀNG HÓA**

Kính gửi: Chi cục Hải quan cửa khẩu.....

Tên doanh nghiệp:.....

Địa chỉ:.....

Mã số thuế:.....

Công ty..... đề nghị Chi cục Hải quan cửa khẩu.....
giải quyết thủ tục chuyển khẩu lô hàng sau đây:

TT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (USD)	Trị giá (USD)
1					
2					
3					

- Hợp đồng mua hàng: Số, ngày..... Tên đối tác:.....

- Hợp đồng bán hàng: Số, ngày..... Tên đối tác:.....

- Số vận đơn:..... Số container/số chì (seal):.....

- Tên tàu:..... ngày nhập cảnh:.....

- Thời gian dự kiến xuất hàng:..... cửa khẩu xuất:.....

HẢI QUAN
XÁC NHẬN XUẤT KHẨU
(Ký, đóng dấu công chức)

HẢI QUAN
XÁC NHẬN NHẬP KHẨU
(Ký, đóng dấu công chức)

ĐẠI DIỆN
DOANH NGHIỆP

Mẫu số: 23/NLNK-PTQ/GSQL

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN:.....

Mã số thuế:.....

BẢNG KÊ SỐ THUẾ NHẬP KHẨU PHẢI NỘP
(Kèm theo tờ khai xuất khẩu số:..... ngày....
đăng ký tại Chi cục Hải quan.....)

STT	Tên nguyên liệu nhập khẩu	Mã số HS	Thuế suất	Trị giá tính thuế	Số thuế phải nộp
1					
2					
3					
Tổng số thuế nhập khẩu phải nộp:					

Số công văn đề nghị việc lựa chọn cách xác định thuế nhập khẩu phải nộp theo quy định tại khoản 7 Điều 13 Thông tư số 109/2014/TT-BTC ngày 15/8/2014 của Bộ Tài chính:..... (*)

Nơi nhận:

- Chi cục Hải quan.....;
- Lưu: VT, Tên tổ chức

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (*) Doanh nghiệp có dự án đầu tư được cấp Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư sau ngày 15/01/2014 thì không phải khai nội dung này;
- Chi cục Hải quan nơi nhận là Chi cục Hải quan quản lý khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu;
- Công ty là doanh nghiệp mua hàng của tổ chức, cá nhân sản xuất trong khu phi thuế quan.

Mẫu số 24/BC-KNQ/GSQL

TÊN CHỦ KHO NGOẠI QUAN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm....

BÁO CÁO

**Về thực trạng hàng hóa trong kho và tình hình hoạt động
 của kho ngoại quan từ ngày.../.../... đến ngày.../.../...)**

Kính gửi:.....

I. Tình hình hoạt động của kho ngoại quan:

II. Số liệu báo cáo:

1. Số liệu hàng hóa đưa vào, đưa ra kho ngoại quan:

Loại hình	Lượng hàng	ĐVT	Trị giá (USD)	Mặt hàng chủ yếu
Từ nước ngoài đưa vào kho				
Từ nội địa đưa vào kho				
Từ kho đưa ra nước ngoài				
Từ kho đưa vào nội địa				
Từ kho này chuyển sang kho khác				
Hàng còn tồn kho				

2. Tình hình thanh lý hợp đồng thuê kho:

Chủ hàng hóa gửi kho	Số lượng hợp đồng ký mới	Lũy kế	Đã thanh lý	Chưa thanh lý	
				Trong hạn	Quá hạn
Nước ngoài					
Trong nước					

3. Tình hình vi phạm pháp luật hải quan:

+ Tên Đơn vị vi phạm:

+ Hành vi vi phạm:

+ Hình thức xử phạt:

III. Vướng mắc, kiến nghị:

Nơi nhận:

- Cục Hải quan...

- Chi cục Hải quan (quản lý kho)...

- Lưu: VT, Tên chủ kho ngoại quan

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 25/DMXK-CFS/GSQL

TÊN KHO CFS

CHI CỤC HẢI QUAN.....

DANH MỤC HÀNG HÓA ĐÓNG GHÉP CHUNG CONTAINER XUẤT KHẨU

TT	Tên hàng	Lượng hàng	Số, ngày tờ khai xuất khẩu hoặc vận đơn hàng nhập	Chi cục hải quan đăng ký tờ khai hoặc hãng tàu	Ngày nhập kho	Tên phương tiện XC	Cửa khẩu xuất	Số hiệu cont, kiện/chi vận tải/chi hải quan
1								
2								
3								
4								
5								
6								
7								
8								
9								
10								

Xác nhận của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kho CFS

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Xác nhận của Hải quan quản lý CFS

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu công chức)

Mẫu số 26/NXT-CFS/GSQL

TÊN KHO CFS

BÁO CÁO HÀNG HÓA NHẬP, XUẤT, TỒN KHO CFS

TT	Tên hàng	Nhập kho			Xuất kho			Tồn kho	
		Số lượng	Số, ngày tờ khai xuất khẩu hoặc vận đơn hàng nhập	Chi cục hải quan đăng ký tờ khai hoặc hãng tàu	Ngày xuất kho	Tên phương tiện XC	Cửa khẩu xuất	Số lượng	Số ngày tồn
1									
2									
3									
4									
5									
6									
7									
8									
9									
10									

DOANH NGHIỆP KINH DOANH DỊCH VỤ KHO CFS
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu 28/STD/GSQL

CỤC HẢI QUAN TỈNH, THÀNH PHỐ.....
CHI CỤC HẢI QUAN.....

Số số:.....

**SỔ THEO DÕI QUẢN LÝ
HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU
ĐĂNG KÝ TỜ KHAI HẢI QUAN MỘT LẦN, XNK NHIỀU LẦN**

Hợp đồng số:.....

Hiệu lực từ:...../...../..... đến:...../...../.....

Phụ lục hợp đồng (nếu có): Số.....; Hiệu lực:.....

Giấy phép (nếu có): Số:.....; Thời hạn:.....

Tên doanh nghiệp:.....

Địa chỉ:.....

Mã số doanh nghiệp:.....

Điện thoại số:.....

Năm.....

TT	Tên hàng	Mã HS	Lượng hàng	ĐVT
1				
	Lần 1: Số phiếu: 01 Ngày:../../.....			
	Lần 2: Số phiếu: 02 Ngày:../../.....			
	Lần... Số phiếu:..... Ngày:../../.....			
	Tồn:		0	
			Xác nhận của Hải quan	
2				
	Lần 1: Số phiếu: 01 Ngày:../../.....			
	Lần 2: Số phiếu: 02 Ngày:../../.....			
	Tồn		0	
			Xác nhận của Hải quan	

Mẫu số 29/DSCT/GSQL

Mã vạch

CỤC HẢI QUAN TỈNH/TP
CHI CỤC HẢI QUAN

....., ngày..... tháng..... năm 20...

**DANH SÁCH CONTAINER
ĐỦ ĐIỀU KIỆN QUA KHU VỰC GIÁM SÁT HẢI QUAN**

1. Chi cục hải quan giám sát:.....
 2. Đơn vị XNK:.....
 3. Mã số thuế:.....
 4. Số tờ khai:.....
 5. Trạng thái tờ khai:.....
 6. Ngày tờ khai:.....
 7. Loại hình:.....
 8. Luồng:.....

STT	SỐ HIỆU CONTAINER (1)	SỐ SEAL CONTAINER (nếu có) (2)	SỐ SEAL HẢI QUAN (nếu có) (3)	XÁC NHẬN CỦA BỘ PHẬN GIÁM SÁT HẢI QUAN (4)	MÃ VẠCH (5)
					(in mã vạch)

Ghi chú:

- *Cột số (1):*

+ *Đối với hàng nhập khẩu: lấy từ Danh sách container do người khai hải quan gửi đến hệ thống.*

+ *Đối với hàng xuất khẩu: lấy từ tiêu chí “Số container” trên tờ khai xuất.*

Trường hợp có sự thay đổi số container đã khai báo, căn cứ chứng từ do người khai hải quan nộp, xuất trình, công chức hải quan cập nhật số container vào Hệ thống để in lại danh sách container.

- *Cột số (2): Đối với hàng nhập khẩu: lấy từ Danh sách container do người khai hải quan gửi đến hệ thống.*

Mẫu số 30/DSHH/GSQL

Mã vạch

CỤC HẢI QUAN TỈNH/TP
CHI CỤC HẢI QUAN

....., ngày..... tháng..... năm 20...

**DANH SÁCH HÀNG HÓA
ĐỦ ĐIỀU KIỆN QUA KHU VỰC GIÁM SÁT HẢI QUAN**

1. Chi cục hải quan giám sát:.....
 2. Đơn vị XNK:.....
 3. Mã số thuế:..... 6. Ngày tờ khai:.....
 4. Số tờ khai:..... 7. Loại hình:.....
 5. Trạng thái tờ khai:..... 8. Luồng:.....

STT	SỐ LƯỢNG HÀNG (1)	TỔNG TRỌNG LƯỢNG HÀNG (2)	LƯỢNG HÀNG HÓA THỰC TẾ QUA KHU VỰC GIÁM SÁT HẢI QUAN (3)	XÁC NHẬN CỦA CÔNG CHỨC HẢI QUAN (4)
	10000 tấn	10000 tấn	Lần 1: 500 tấn	
			Lần 2: 500 tấn	
			...	

Ghi chú:

- Cột số (1) lấy từ tiêu chí “Số lượng” trên phần “General” của tờ khai hải quan.
- Cột số (2) lấy từ tiêu chí “Tổng trọng lượng hàng” trên phần “General” của tờ khai hải quan.
- Trường hợp hàng hóa được đưa qua KVGS nhiều lần thì đối với từng lần đưa hàng qua KVGS, công chức hải quan thực hiện:
 - + Cột số (3): ghi rõ lượng hàng từng lần qua KVGS.
 - + Cột số (4): ghi ngày, tháng, năm; ký, đóng dấu công chức.
- Trường hợp giá trị tại cột (1):
 - + Khác 1 thì theo dõi lượng hàng tại cột (3) tương ứng theo cột (1);
 - + Bằng 1 thì theo dõi lượng hàng tại cột (3) tương ứng theo cột (2).

*Mẫu số 31/BKCT/GSQL***TÊN DOANH NGHIỆP****BẢNG KÊ SỐ HIỆU CONTAINER XUẤT KHẨU****1. Tờ khai xuất khẩu số:.....****2. Bảng kê số hiệu container xuất khẩu**

STT	Số container	Số seal	Ghi chú
1			
2			
3			
...			

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP*(Ký tên, đóng dấu)*

Phụ lục VI
BIỂU MẪU VỀ THUẾ XUẤT KHẨU, THUẾ NHẬP KHẨU VÀ QUẢN LÝ
THUẾ ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU
(Ban hành kèm Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính)

TT	Tên Biểu mẫu	Số hiệu
1	Đơn đề nghị xác định trước mã số	01/XĐTMS/TXNK
2	Đơn đề nghị xác định trước trị giá hải quan	02/XĐTTCG/TXNK
3	Thông báo về việc nghi vấn trị giá hải quan	02A/TBNVTG/TXNK
4	Thông báo về việc xác định trị giá	02B/TBXĐTTCG/TXNK
5	Quyết định điều chỉnh thuế	03/QĐĐC/TXNK
6	Mẫu kê khai đủ điều kiện được áp dụng thời hạn nộp thuế 275 ngày	04/DKNT-SXXK/TXNK
7	Thư bảo lãnh riêng	05/TBLR/TXNK
8	Đơn đề nghị bảo lãnh chung	06A/ĐĐNBLC/TXNK
9	Thư bảo lãnh chung	06/TBLC/TXNK
10	Hợp đồng ủy nhiệm thu lệ phí hải quan	07/UNTH/TXNK
11	Báo cáo thu nộp lệ phí hải quan theo hợp đồng ủy nhiệm thu	08/BCT/TXNK
12	Quyết định ấn định thuế	09/QĐAĐT/TXNK
13	Quyết định hủy quyết định ấn định	10/HQĐAĐT/TXNK
14	Quyết định hoàn thuế	11/QĐHT/TXNK
15	Quyết định không thu thuế	12/QĐKTT/TXNK
16	Danh mục hàng hóa XK, NK miễn thuế	13/ĐKDMMT/TXNK
17	Công văn đề nghị đăng ký Danh mục hàng hóa XK, NK miễn thuế	14/CVĐKDMMT/TXNK
18	Phiếu theo dõi trừ lùi	15/PTDTL/TXNK
19	Báo cáo các trường hợp đã đăng ký Danh mục hàng hóa miễn thuế	16/BCTHDMMT/TXNK
20	Báo cáo, kiểm tra việc sử dụng hàng hóa miễn thuế nhập khẩu	17/BCKT-NKMT/TXNK
21	Mẫu dấu hoàn thuế	18/MDHT/TXNK
22	Mẫu thông báo tiền nợ + chậm nộp của cá nhân	19/TB-TTN-TCN1/TXNK
23	Mẫu thông báo tiền nợ + chậm nộp của tổ chức	20/TB-TTN-TCN2/TXNK

Mẫu số 01/XĐTMS/TXNK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng.... năm....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC ĐỊNH TRƯỚC MÃ SỐ

Kính gửi: Tổng cục Hải quan

A. Tổ chức, cá nhân đề nghị xác định trước mã số:

1. Tên:	
2. Địa chỉ:	
3. Điện thoại:	4. Fax:
5. Mã số thuế:	

B. Hàng hóa đề nghị xác định trước mã số:

6. Tên thương mại:	
7. Tên gọi theo cấu tạo, công dụng:	
8. Ký, mã hiệu, chủng loại:	9. Nhà sản xuất:

C. Mô tả chi tiết hàng hóa đề nghị xác định trước mã số:

10. Thành phần, cấu tạo, công thức hóa học:
11. Cơ chế hoạt động, cách thức sử dụng:
12. Hàm lượng tính trên trọng lượng:
13. Thông số kỹ thuật:
14. Quy trình sản xuất:
15. Công dụng theo thiết kế:
16. Các thông tin khác về hàng hóa:

D. Các tài liệu có liên quan đến hàng hóa đề nghị xác định trước mã số:

17. Mẫu hàng hóa:	Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
18(a). Catalogue <input type="checkbox"/>	18(b). Hình ảnh <input type="checkbox"/>	
19. Tài liệu kỹ thuật:	Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
20. Chứng thư giám định:	Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
21. Tài liệu có liên quan (nếu có, ghi rõ loại tài liệu)	Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>

E. Ý kiến của tổ chức, cá nhân về mã số đối với hàng hóa đề nghị xác định trước

24. Mã số đề nghị (theo Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu Việt Nam):

25. Cơ sở đề nghị:

..... (tên tổ chức, cá nhân đề nghị xác định trước mã số) cam đoan:

Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin, tài liệu, mẫu hàng hóa cung cấp cho cơ quan Hải quan để thực hiện xác định trước mã số.

G. Nội dung khác (nếu có):**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

* Ghi chú: Mục C: Tùy theo đặc tính của hàng hóa đề nghị xác định trước mã số, tổ chức, cá nhân điền thông tin phù hợp vào các tiêu chí từ ô 10 đến ô 16.

*Mẫu số 02/XĐTTG/TXNK***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC ĐỊNH TRƯỚC TRỊ GIÁ

Kính gửi: Tổng cục Hải quan

Tên tổ chức (cá nhân) đề nghị:.....

Địa chỉ:..... Số điện thoại:.....

Mã số thuế:.....

1. Điều kiện xác định trước trị giá đối với tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp đề nghị xác định trước mức giá):

ĐIỀU KIỆN XÁC ĐỊNH TRƯỚC TRỊ GIÁ	
Hàng hóa đề nghị xác định trước trị giá:	
(1) Có phải là lần đầu xuất khẩu, nhập khẩu không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
(2) Có sự thay đổi lớn, bất thường so với trị giá hải quan mà tổ chức, cá nhân đang thực hiện không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
(3) Có phải là hàng hóa có tính chất đơn chiếc không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
(4) Có tính phổ biến không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
(5) Có hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giống hệt, tương tự trên thị trường để so sánh không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>

2. Nội dung khai báo chi tiết:

Tên hàng hóa, đơn vị tính ¹	Mã số HS
Nội dung giao dịch ²	
Cục Hải quan (nơi dự kiến làm thủ tục hải quan):	Thời gian dự kiến đăng ký tờ khai xuất khẩu/nhập khẩu: Ngày... tháng... năm....

¹ - Khai rõ tên hàng, quy cách phẩm chất, thông số kỹ thuật, thành phần cấu tạo, model, ký/mã hiệu, đặc tính, công suất, kích cỡ, công dụng của hàng hóa,....

- Đơn vị tính: phải được định lượng rõ ràng theo đơn vị đo lường cơ bản (như m, kg, cái, chiếc,.....), hoặc phải được quy đổi về đơn vị đo lường cơ bản.

² Tổ chức, cá nhân khai chi tiết tại mục 1 Bản mô tả giao dịch và xác định trị giá tính thuế kèm theo

Đề nghị xác định trước trị giá³:

Phương pháp xác định trị giá tính thuế:.....

Mức giá:.....

Quan điểm của tổ chức, cá nhân về đề nghị xác định trước trị giá:.....

Tổ chức cá nhân đề nghị xác định trước về phương pháp xác định trị giá hoặc mức giá thì đánh dấu vào một trong 2 ô tương ứng, ghi rõ nội dung phương pháp xác định trị giá hoặc mức giá đề nghị và quan điểm về đề nghị xác định trước tương ứng.

Tổ chức cá nhân đề nghị xác định trước đồng ý công bố thông tin về xác định trước trị giá:

Công bố toàn phần

Công bố một phần (*tổ chức, cá nhân liệt kê một số tiêu chí đề nghị không công bố*)

Tôi đề nghị cơ quan hải quan xác định trước trị giá hải quan cho hàng hóa nêu trên. Tôi xin cam đoan:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các nội dung khai báo tại đơn này và của các tài liệu, chứng từ, thông tin do tôi cung cấp.

2. Đồng ý cung cấp những tài liệu, chứng từ cần thiết để cơ quan hải quan kiểm tra khi có yêu cầu.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(*Ký tên, đóng dấu*)

³ Tổ chức, cá nhân khai chi tiết tại mục 2, 3 Bản mô tả giao dịch và xác định trị giá tính thuế kèm theo

BẢN MÔ TẢ GIAO DỊCH VÀ XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ TÍNH THUẾ
(Kèm theo Đơn đề nghị xác định trước trị giá)

1. Nội dung của giao dịch và các bên có liên quan trong giao dịch:

a) Các bên có liên quan trong giao dịch:

Số hợp đồng: _____ Ngày tháng năm _____
 Tên tổ chức, cá nhân xuất khẩu/nhập khẩu: _____ Tên đối tác nhập khẩu/xuất khẩu: _____

b) Nội dung của giao dịch mua bán hàng hóa:

Mô tả cụ thể về giao dịch hàng hóa xuất khẩu/nhập khẩu như:

Tên hàng hóa; số lượng; đơn vị tính; đơn giá; đồng tiền thanh toán; nước nhập khẩu/xuất khẩu; thời gian dự kiến giao hàng; điều kiện giao hàng; phương tiện vận tải; phương thức thanh toán; địa điểm xếp hàng; địa điểm giao hàng; quyền và nghĩa vụ của người mua và người bán trong giao dịch; các nội dung liên quan đến trọng tài kinh tế và các nội dung khác,....

2. Phương pháp xác định trị giá tính thuế hàng nhập khẩu:

ĐIỀU KIỆN ÁP DỤNG PHƯƠNG PHÁP TRỊ GIÁ GIAO DỊCH	
1. Người mua có đầy đủ quyền quyết định, quyền sử dụng hàng hóa sau khi nhập khẩu không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
2. Việc bán hàng hay giá cả có phụ thuộc vào điều kiện nào dẫn đến việc không xác định được trị giá của hàng hóa nhập khẩu hay không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
3. Người mua có phải trả thêm khoản tiền nào từ số tiền thu được do việc định đoạt, sử dụng hàng hóa nhập khẩu không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
4. Người mua và người bán có mối quan hệ đặc biệt không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
Nếu có, mối quan hệ đặc biệt đó có ảnh hưởng đến trị giá giao dịch không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
PHẦN XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ TÍNH THUẾ	
Giá thực tế đã thanh toán hay sẽ phải thanh toán:	_____
a) Giá mua ghi trên hóa đơn	a).....
b) Khoản thanh toán gián tiếp	b).....
c) Khoản tiền trả trước, ứng trước, đặt cọc	c).....
Các khoản phải cộng	_____
a) Chi phí hoa hồng bán hàng/phí môi giới	a).....
b) Chi phí bao bì gắn liền với hàng hóa	b).....

c) Chi phí đóng gói hàng hóa	c).....
d) Các khoản trợ giúp người mua cung cấp miễn phí hoặc giảm giá	d).....
<input type="checkbox"/> Nguyên vật liệu, bộ phận cấu thành, phụ tùng,...
<input type="checkbox"/> Vật liệu, nhiên liệu, năng lượng tiêu hao
<input type="checkbox"/> Công cụ, dụng cụ, khuôn dập, khuôn đúc,.....
<input type="checkbox"/> Bản vẽ thiết kế, sơ đồ, phác thảo
e) Tiền phí bản quyền, phí giấy phép	e).....
f) Tiền thu phải trả sau khi định đoạt, sử dụng hàng hóa	f).....
g) Chi phí vận tải, bốc xếp, chuyển hàng	g).....
h) Chi phí bảo hiểm hàng hóa	h).....
Các khoản được trừ	_____
a) Phí bảo hiểm, vận tải hàng hóa trong nội địa	a).....
b) Chi phí phát sinh sau khi nhập khẩu	b).....
c) Tiền lãi phải trả do việc thanh toán tiền mua hàng	c).....
d) Các khoản thuế, phí, lệ phí phải trả	d).....
e) Khoản giảm giá	e).....
f) Chi phí liên quan đến tiếp thị hàng nhập khẩu	f).....
Trị giá tính thuế: <i>Nêu rõ công thức tính toán (nếu có)</i>	

Ghi chú: Ghi rõ khoản tiền của từng mục (nếu có) trong Phần xác định trị giá tính thuế

3. Phương pháp xác định trị giá tính thuế hàng xuất khẩu:

- a) Phương pháp xác định trị giá tính thuế:.....
- b) Lý do áp dụng:.....
- c) Xác định trị giá tính thuế, nêu rõ các bước và giải trình chi tiết:.....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 02A/TBNVTG/TXNK

CỤC HẢI QUAN....
CHI CỤC HẢI QUAN....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TB-CCHQ...

....., ngày... tháng... năm.....

THÔNG BÁO
Về việc nghi vấn trị giá khai báo

Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Chi cục Hải quan..... đã kiểm tra trị giá khai báo của hàng hóa xuất khẩu/nhập khẩu theo tờ khai.... số..... ngày.... và có nghi vấn trị giá khai báo đối với các mặt hàng như sau:

STT	Mã số	Tên hàng
(1)	(2)	(3)

Chi Cục.... thông báo đề quý Công ty nộp bổ sung các chứng từ, tài liệu có liên quan để thực hiện quyền tham vấn hoặc nộp thuế theo trị giá khai báo.

Nơi nhận:

- Công ty...;
- Cục Hải quan... (để b/c, tổ chức tham vấn);
- Lưu: VT, đơn vị soạn thảo viết tắt (3b).

CHI CỤC TRƯỞNG*(Ký tên, đóng dấu)***Ý KIẾN CỦA NGƯỜI KHAI HẢI QUAN***(Đại diện có thẩm quyền ký và ghi rõ họ tên)*

* Ghi chú: Ý kiến của người khai hải quan ghi rõ “đề nghị tham vấn, thời gian tham vấn” hoặc “không tham vấn, đề nghị thông quan”

Mẫu số 02B/TBXĐTGT/TKNK

CỤC HẢI QUAN....
CHI CỤC HẢI QUAN....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TB-CCHQ...

....., ngày... tháng... năm.....

THÔNG BÁO
Về việc xác định trị giá

Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Chi cục Hải quan..... xác định trị giá của các hàng hóa xuất khẩu/nhập khẩu tại tờ khai số..... ngày..... như sau:

STT	Mã số	Tên hàng	ĐVT	Lượng hàng	Trị giá xác định (USD)	Cơ sở xác định trị giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

Chi cục Hải quan.... thông báo để quý Công ty làm cơ sở tính thuế để giải phóng hàng hóa hoặc thông quan hàng hóa theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 30 Thông tư số..... ngày..... của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của Bộ Tài chính.

Nơi nhận:

- Công ty...;
- Cục Hải quan... (để báo cáo);
- Lưu: VT, đơn vị soạn thảo viết tắt (3b).

CHI CỤC TRƯỞNG*(Ký tên, đóng dấu)*

*Mẫu số 03/QĐĐCT/TXNK*TỔNG CỤC/CỤC HẢI QUAN
CỤC/CHI CỤC.....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ.....

....., ngày..... tháng... năm.....

QUYẾT ĐỊNH**Về việc điều chỉnh thuế***(Áp dụng cho trường hợp chuyển tiêu thụ nội địa, thay đổi mục đích sử dụng)***TÊN CƠ QUAN HẢI QUAN CÓ THẨM QUYỀN.....**

Căn cứ Luật quản lý thuế số 78/2006/QH10 ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012; Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Thông tư hướng dẫn Luật;

Căn cứ Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật Thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008; Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt số 27/2008/QH12 ngày 14 tháng 11 năm 2008; Luật Thuế bảo vệ môi trường số 57/2010/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2010; và Nghị định, Thông tư quy định chi tiết thi hành các Luật này;

Căn cứ thủ tục thẩm quyền giải quyết (1)..... quy định tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;;

Xét hồ sơ đề nghị của (2)..... và đề xuất (3)..... về việc chuyển (1)..... hàng hóa nhập khẩu,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh giảm tiền thuế của tờ khai số: (4)...., của người nộp thuế (2)..... mã số thuế:....., địa chỉ..... tương ứng với số hàng hóa (1)..... đã được kê khai trên tờ khai số: (5).... ngày... tháng...năm..., mở tại: (6)..., loại hình (7).....; cụ thể số thuế điều chỉnh giảm như sau:

STT	Nội dung	Số tiền thuế <i>Đơn vị tính: đồng</i>
1	Thuế xuất khẩu	

2	Thuế nhập khẩu	
3	Thuế GTGT	
4	
	Tổng cộng:	

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Ông (bà) Trưởng phòng/Đội trưởng (3)..... và (2)..... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, hồ sơ gốc.

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN HẢI QUAN
CÓ THẨM QUYỀN**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Chuyển tiêu thụ nội địa/thay đổi mục đích sử dụng;
- (2) Tổ chức, cá nhân nộp thuế đối với hàng xuất khẩu, nhập khẩu;
- (3) Đơn vị tham mưu, nghiệp vụ liên quan thuộc cấp có thẩm quyền ra quyết định;
- (4) Tờ khai hải quan cũ;
- (5) Tờ khai hải quan mới;
- (6) Chi cục Hải quan nơi mở tờ khai mới;
- (7) Loại hình XNK theo tờ khai mới.

Mẫu số 04/DKNT-SXXX/TXNK

**TÊN TỔ CHỨC/
DOANH NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BẢN KÊ KHAI
VỀ ĐIỀU KIỆN ÁP DỤNG THỜI HẠN NỘP THUẾ 275 NGÀY
(Theo quy định tại khoản... Điều.... Thông tư số.../2015/TT-BTC)

Kính gửi: Chi cục Hải quan..... thuộc Cục Hải quan.....

I. Thông tin đơn vị kê khai:

1. Tên doanh nghiệp/tổ chức:.....

- Là doanh nghiệp/tổ chức nhập khẩu NLVT và SXXX

- Là doanh nghiệp/tổ chức nhận nhập khẩu ủy thác NLVL;
hoặc nhập khẩu NLVT để cung ứng (không SXXX)

- Là doanh nghiệp/tổ chức ủy thác nhập khẩu NLVT; hoặc nhận NLVT
do công ty mẹ hoặc công ty thành viên cung ứng để SXXX

2. Mã số thuế:.....

3. Địa chỉ trụ sở chính:.....

4. Ngành nghề sản xuất (*ghi theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/giấy chứng nhận đầu tư/giấy phép đầu tư*):
.....

II. Nội dung kê khai:

1. Về cơ sở sản xuất:

a) Có quyền sử dụng hợp pháp cơ sở sản xuất (CSSX) trên lãnh thổ Việt Nam phù hợp để sản xuất hàng xuất khẩu từ nguyên liệu, vật tư nhập khẩu như sau:

- Số lượng CSSX:.....

- Địa chỉ CSSX 1:..... có quyền sử dụng Đi thuê

- Địa chỉ CSSX 2:..... có quyền sử dụng Đi thuê

- Địa chỉ CSSX..... có quyền sử dụng Đi thuê

b) Cơ sở sản xuất trên phù hợp với nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu thuộc ngành hàng (tích vào ô tương ứng với ngành hàng):

Da giày:

May mặc:

Điện tử, điện lạnh:

Chế biến thực phẩm:

- Cơ khí:
 Gỗ:
 Nhựa:
 Nông sản:
 Loại khác:

c) Tình hình nhân lực:

- Bộ phận quản lý:..... Người;
 - Số lượng công nhân:..... Người.

d) Số lượng máy móc, dây chuyền trang thiết bị (đề nghị nêu cụ thể):

-
 -
 -

e) Năng lực sản xuất: Đề nghị cho biết năng lực sản xuất sản phẩm xuất khẩu từ nguyên liệu nhập khẩu tối đa trong 1 năm:..... sản phẩm/năm

2. Về tuân thủ pháp luật:

Trong vòng 730 ngày tính đến ngày cung cấp thông tin (tích vào ô tương ứng có/không):

- Bị xử lý về hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, trốn thuế:

Có Không

- Bị xử phạt về hành vi trốn thuế, gian lận thuế:

Có Không

- Bị các cơ quan quản lý nhà nước xử phạt vi phạm trong lĩnh vực kế toán:

Có Không

3. Về chứng từ thanh toán qua ngân hàng:

Có Không

- Hình thức thanh toán:

+ Thanh toán ngay khi nhận hàng

+ Thanh toán trả chậm

Tổ chức/Doanh nghiệp xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung kê khai trên. Trường hợp có thay đổi các thông tin trên, Tổ chức/Doanh nghiệp sẽ thực hiện kê khai bổ sung.

Nơi nhận:

-

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
 CỦA TỔ CHỨC/DOANH NGHIỆP**

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số: 05/TBLR/TXNK**TÊN TỔ CHỨC BẢO LÃNH (1)**

....., ngày..... tháng.... năm.....

THƯ BẢO LÃNH RIÊNG**Số bảo lãnh:.....** (tối đa 10 ký tự)**Ký hiệu bảo lãnh:.....** (tối đa 10 ký tự)

.....:..... (có thể bổ sung nội dung quản lý riêng của từng NHTM)

Kính gửi: Chi cục Hải Quan..... (ghi rõ tên của bên nhận bảo lãnh);

Mã hải quan:.....

Chúng tôi, (1).....

Trụ sở tại:

Điện thoại:..... Fax:

Mã số thuế:.....

Mã ngân hàng phát hành:..... (mã CIHO do NHNN cấp - 8 ký tự)

Chấp thuận bảo lãnh thuế cho (2).....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:

Mã số thuế:.....

Số đăng ký kinh doanh số:..... do....., cấp ngày

Số Tài khoản

Người đại diện nộp thuế (3):.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:

Mã số thuế:.....

Số đăng ký kinh doanh số:..... do....., cấp ngày

Số tiền bảo lãnh:..... (Bằng chữ:.....) để thực hiện nghĩa vụ nộp thuế của lô hàng nhập khẩu theo hợp đồng thương mại số:.....

ngày.../.../..... Và/hoặc hóa đơn số:..... ngày.../.../..... Và/hoặc vận đơn (kèm

mã hăng vận tải) số:..... ngày.../.../..... Và/hoặc tờ khai hải quan số:.....

ngày.../.../..... loại hình XNK:..... tại Chi cục Hải quan.....

Thời hạn nộp thuế được bảo lãnh:..... ngày kể từ ngày.../.../20...
đến ngày.../.../20.....

Chúng tôi cam kết không hủy ngang và khẳng định rằng:

Quá thời hạn nộp thuế được bảo lãnh, nếu (2)...../(3)..... không thực hiện/đại diện (2)..... không thực hiện nghĩa vụ nộp khoản thuế trên, (1) chúng tôi chịu trách nhiệm đến cùng (bao gồm cả trách nhiệm sau khi Hợp đồng cấp bảo lãnh giữa (1)..... với (2)..... đã hết hiệu lực) đối với số tiền thuế được bảo lãnh thuộc tờ khai (và/hoặc hợp đồng thương mại; hóa đơn; vận đơn) ghi tại Thư Bảo lãnh mà (2)...../(3)..... chưa thực hiện/đại diện (2)..... chưa thực hiện thanh toán đủ tiền thuế (bao gồm cả số tiền thuế được bảo lãnh và tiền chậm nộp, tiền phạt (nếu có) cho tờ khai hải quan (và/hoặc hợp đồng thương mại; hóa đơn; vận đơn) và có trách nhiệm nộp đủ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt (nếu có) thay cho (2)..... theo quy định của Luật quản lý thuế, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn Luật về nghĩa vụ bảo lãnh.

Bảo lãnh này có giá trị hiệu lực từ ngày...../...../..... đến ngày...../...../....., cho đến khi số nợ tiền thuế được bảo lãnh, tiền chậm nộp, tiền phạt (nếu có) tại tờ khai (và/hoặc hợp đồng thương mại; hóa đơn; vận đơn) được ghi trong thư bảo lãnh đã nộp hết vào NSNN.

Thư bảo lãnh thuế này được chi phối và giải thích theo pháp luật Việt Nam.

Thư bảo lãnh thuế có giá trị một bản chính duy nhất và không có giá trị chuyển nhượng.

Trân trọng!

TÊN TỔ CHỨC BẢO LÃNH (1)

CHI NHÁNH.....

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1): Tên tổ chức bảo lãnh

(2): Tên người nộp thuế

(3): Tên tổ chức, cá nhân đại diện cho người nộp thuế

(Trường hợp thực hiện bảo lãnh bằng hợp đồng thương mại thì không áp dụng bảo lãnh riêng trên Hệ thống thông quan điện tử VNACCS.

Mẫu số: 06/TBLC/TXNK**TÊN TỔ CHỨC BẢO LÃNH (1)**

....., ngày.... tháng.... năm....

THƯ BẢO LÃNH CHUNG**Số bảo lãnh:.....** (tối đa 10 ký tự)**Ký hiệu bảo lãnh:.....** (tối đa 10 ký tự)

..... (có thể bổ sung nội dung quản lý riêng của từng NHTM)

Kính gửi: Chi cục Hải Quan..... (ghi rõ tên của bên nhận bảo lãnh)

Chúng tôi, (1).....

Trụ sở tại:

Điện thoại:..... Fax:

Mã số thuế:.....

Mã ngân hàng phát hành:..... (mã CIHO do NHNN cấp - 8 ký tự)

Chấp thuận bảo lãnh thuế cho (2).....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:

Mã số thuế:.....

Số đăng ký kinh doanh số:..... do....., cấp ngày

Số Tài khoản:

Người đại diện sử dụng bảo lãnh thuế hoặc nộp thuế (3).....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:

Mã số thuế:.....

Số đăng ký kinh doanh số:..... do....., cấp ngày

Số tiền bảo lãnh:..... (Bằng chữ:.....) để thực hiện nghĩa vụ nộp thuế.

Thời hạn nộp thuế được bảo lãnh:.....ngày kể từ ngày...../.../20... đến ngày...../.../20...

Chúng tôi cam kết không hủy ngang và khẳng định rằng:

Quá thời hạn nộp thuế được bảo lãnh của từng tờ khai, nếu (2)...../ (3)..... không thực hiện/đại diện (2)..... không thực hiện nghĩa vụ nộp thuế, (1) chúng tôi chịu trách nhiệm đến cùng (bao gồm cả trách nhiệm sau khi

Hợp đồng cấp bảo lãnh giữa (1)..... với (2)..... đã hết hiệu lực đối với số tiền thuế được bảo lãnh đã được sử dụng trong Thư bảo lãnh này mà (2)...../(3)..... chưa thanh toán/đại diện (2)..... chưa thanh toán đủ tiền số tiền thuế được bảo lãnh, tiền chậm nộp, tiền phạt (nếu có) và có trách nhiệm nộp đủ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt (nếu có) thay cho (2)..... theo qui định của Luật quản lý thuế, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn Luật về nghĩa vụ bảo lãnh.

Trường hợp có hủy ngang (dừng sử dụng bảo lãnh), sau khi được cơ quan hải quan đồng ý chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm đến cùng cho đến khi số tiền thuế được bảo lãnh, tiền chậm nộp, tiền phạt (nếu có) của các tờ khai sử dụng bảo lãnh chung này đã nộp đủ vào NSNN.

Bảo lãnh này có giá trị hiệu lực từ ngày...../...../..... đến ngày...../...../....., cho đến khi số tiền thuế được bảo lãnh, tiền chậm nộp, tiền phạt (nếu có) tại các tờ khai được sử dụng tại thư bảo lãnh này đã nộp hết vào NSNN.

Thư bảo lãnh thuế này được chi phối và giải thích theo pháp luật Việt Nam.

Thư bảo lãnh thuế có giá trị 01 (một) bản chính duy nhất và không có giá trị chuyển nhượng.

Trân trọng!

TÊN TỔ CHỨC BẢO LÃNH (1)
CHI NHÁNH.....
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1): Tên tổ chức bảo lãnh

(2): Tên người nộp thuế

(3): Tên tổ chức, cá nhân đại diện cho người nộp thuế. Trong trường hợp được sử dụng bảo lãnh thì phải khai báo trong hệ thống của hải quan trước khi khai báo tờ khai xuất khẩu, nhập khẩu.

**Mẫu 06A/ĐĐNBLC/TXNK - Đơn đề nghị áp dụng bảo lãnh tiền thuế, tiền phạt
cho hàng hóa nhập khẩu theo hình thức bảo lãnh chung**

TÊN NGƯỜI NỘP THUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ÁP DỤNG BẢO LÃNH TIỀN THUẾ, TIỀN PHẠT
CHO HÀNG HÓA NHẬP KHẨU THEO HÌNH THỨC BẢO LÃNH CHUNG**

Kính gửi: Chi cục Hải quan....

Tên người nộp thuế.....

Địa chỉ.....

Mã số thuế.....

Số điện thoại:..... Số Fax.....

Đề nghị Chi cục Hải quan..... cho phép áp dụng hình thức bảo lãnh chung
với những thông tin như sau:

Tên tổ chức bảo lãnh:.....

Mã số thuế:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:..... Số Fax.....

Bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt, các
khoản thu khác cho các lô hàng nhập khẩu của.... (tên người nộp thuế) đăng ký làm
thủ tục hải quan tại Chi cục Hải quan..... từ ngày... tháng... năm...
đến ngày.... tháng... năm... với số tiền bảo lãnh là:..... đồng (*Bằng
chữ:.....*) theo văn bản cam kết bảo lãnh số.... ngày... của... (tên tổ
chức bảo lãnh).

.... (Tên người nộp thuế) xin cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về
tính chính xác, trung thực của các nội dung nêu trên.

GIÁM ĐỐC CÔNG TY

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHẦN KIỂM TRA, XÁC ĐỊNH CỦA CƠ QUAN HẢI QUAN

..., ngày... tháng... năm...

(Ghi rõ ý kiến đồng ý hay không đồng ý và cơ sở pháp lý/lý do. Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số: 07/UNTH/TXNK

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../HĐ.....

HỢP ĐỒNG
Về việc Ủy nhiệm thu lệ phí hải quan

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012;

Căn cứ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Thông tư số...../.../TT-BTC ngày...../...../... của Bộ Tài chính Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế, hướng dẫn thi hành Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Căn cứ các Luật về thuế; Pháp lệnh phí, lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên;

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm.....

Tại:

Chúng tôi gồm:

I. BÊN ỦY NHIỆM THU LỆ PHÍ HẢI QUAN:

Cơ quan hải quan:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Số Tài khoản:

Đại diện là: Ông (Bà)..... Chức vụ:

II. BÊN ĐƯỢC ỦY NHIỆM THU LỆ PHÍ HẢI QUAN:

Tên tổ chức:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Số Tài khoản:.....

Đại diện là: Ông (Bà)..... Chức vụ:.....

Hai bên thống nhất ký kết Hợp đồng ủy nhiệm thu lệ phí hải quan với những điều khoản như sau:

Điều 1. Phạm vi ủy nhiệm thu lệ phí hải quan

1.... (Tên của tổ chức ủy nhiệm thu)..... ủy nhiệm cho... (Tên của bên được ủy nhiệm thu)..... thực hiện thu lệ phí hải quan thuộc đơn vị các tổ chức hải quan.

2.... (Tên của tổ chức được ủy nhiệm thu)..... trong phạm vi được ủy nhiệm thực hiện các công việc sau đây: (Tùy thuộc vào nội dung hợp đồng ký kết, ghi cụ thể các công việc bên được ủy nhiệm thu phải thực hiện).

Điều 2. Trách nhiệm và quyền hạn của Tổng cục Hải quan trong việc thực hiện hợp đồng

1. Trách nhiệm của Tổng cục Hải quan:

- ... (Các nội dung theo thỏa thuận).....

2. Quyền của Tổng cục Hải quan:

- Chấm dứt hợp đồng ủy nhiệm thu khi tổ chức ủy nhiệm thu không thực hiện đúng những nội dung đã ký kết.

- ... (Các nội dung theo thỏa thuận).....

Điều 3. Trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức được ủy nhiệm thu trong việc thực hiện hợp đồng

1. Trách nhiệm của tổ chức được ủy nhiệm thu:

- ... (Các nội dung theo thỏa thuận).....

2. Quyền của tổ chức được ủy nhiệm thu:

- Yêu cầu Tổng cục Hải quan thanh toán tiền thù lao đúng theo hợp đồng đã ký.

- Chấm dứt hợp đồng ủy nhiệm thu khi Tổng cục Hải quan không thực hiện đúng những nội dung đã ký kết.

- ... (Các nội dung khác theo thỏa thuận).....

Điều 4. Kinh phí ủy nhiệm thu

1. Tỷ lệ trích kinh phí ủy nhiệm thu: Bên được ủy nhiệm thu được hưởng thù lao ủy nhiệm thu trích từ kinh phí hoạt động của cơ quan hải quan theo mức:

- Bằng.... % tổng số tiền lệ phí hải quan thu được.....;

2. Thời gian chi trả kinh phí ủy nhiệm thu: (Quy định cụ thể về thời gian chi trả như: trả định kỳ theo tháng, quý,...)

3. Hình thức chi trả kinh phí ủy nhiệm thu: Kinh phí ủy nhiệm thu được thanh toán bằng chuyển khoản thông qua tài khoản của bên được ủy nhiệm thu mở tại.....

Điều 5. Thời hạn ủy nhiệm thu

Thời hạn ủy nhiệm thu theo hợp đồng này là..... năm, kể từ ngày...../...../..... đến hết ngày...../...../.....

Điều 6. Bổ sung, gia hạn và thanh lý hợp đồng

1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu phát hiện thấy còn những vấn đề cần điều chỉnh, bổ sung đều phải được lập thành văn bản có sự nhất trí của hai bên.

2. Trong quá trình thực hiện hợp đồng đến trước thời điểm kết thúc thời hạn ủy nhiệm thu, hai bên có thể thỏa thuận gia hạn hợp đồng bằng văn bản.

3. Thanh lý hợp đồng:

- Trường hợp không có thỏa thuận gia hạn hợp đồng thì hợp đồng đương nhiên hết hiệu lực khi kết thúc thời hạn nêu tại Điều 5 - Hợp đồng này. Hai bên thực hiện thanh lý hợp đồng ủy nhiệm thu theo đúng quy định.

- Trường hợp Hợp đồng được gia hạn thêm cho các kỳ tiếp theo thì hai bên tiếp tục thực hiện hợp đồng theo thời gian đã gia hạn và tiến hành thanh lý Hợp đồng khi kết thúc thời gian đã gia hạn.

Điều 7. Xử lý tranh chấp

1. Hai bên cùng cam kết thực hiện đúng các nội dung đã ký. Trường hợp có tranh chấp, hoặc một bên vi phạm hợp đồng thì cả hai bên cùng tự thương lượng, thỏa thuận để có hướng xử lý và đạt được kết quả chung trước khi chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Điều 2 và Điều 3 của Hợp đồng này.

2. Trường hợp việc tự thương lượng và thỏa thuận không đạt được kết quả thì vụ việc được đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Hai bên cam kết thực hiện mọi điều khoản đã cam kết trong hợp đồng với tinh thần hợp tác, hỗ trợ. Trường hợp phát sinh hoàn cảnh ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng hai bên sẽ thảo luận để thống nhất giải quyết.

2. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.

3. Hợp đồng này gồm có..... trang, được lập thành.... bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ.... bản và có hiệu lực kể từ ngày...../.

BÊN ỦY NHIỆM THU

(Chức danh người đại diện)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

BÊN ĐƯỢC ỦY NHIỆM THU

(Chức danh người đại diện - nếu có)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu - nếu có)

Mẫu số: 08/BCT/TXNK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm.....

BÁO CÁO
Về tình hình thu nộp lệ phí hải quan theo Hợp đồng ủy nhiệm thu

Kính gửi:.....

Căn cứ Hợp đồng ủy nhiệm thu số..... ngày...../...../..... giữa Tổng cục Hải quan và... (tên của tổ chức được ủy nhiệm thu lệ phí hải quan.....);

... (Tên của tổ chức được ủy nhiệm thu lệ phí hải quan)..... tổng hợp báo cáo việc thu nộp thuế theo hợp đồng ủy nhiệm thu như sau:

1. Kết quả thu thuế theo hợp đồng ủy nhiệm thu:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Loại lệ phí hải quan được ủy nhiệm thu	Số tiền lệ phí HQ phải thu	Số tiền lệ phí hải quan đã thu	Số tiền lệ phí HQ còn phải thu	Số tiền lệ phí HQ thu được đã nộp vào KBNN cho HQ			Số tiền lệ phí HQ đã thu chưa nộp vào KBNN cho HQ
					Số tiền	Số chứng từ nộp tiền	Ngày chứng từ nộp tiền	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (3) - (4)	(6)	(7)	(8)	(9) = (4) - (6)
1	Lệ phí Hải quan							
...							
	Cộng							

- Danh sách người nộp lệ phí hải quan còn nợ tiền lệ phí hải quan được đính kèm theo.

2. Nguyên nhân dẫn đến việc nợ đọng tiền lệ phí hải quan như trên:

.....

3. Số kinh phí ủy nhiệm thu đề nghị chi trả trên số Lệ phí Hải quan đã thu được nộp vào **KBNN cho cơ quan HQ**:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Loại lệ phí hải quan được ủy nhiệm thu	Số tiền lệ phí hải quan đã thu được nộp vào KBNN cho HQ	Tỷ lệ trích thù lao kinh phí ủy nhiệm thu	Số tiền thù lao được hưởng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (3) x (4)
1	Thuế...			
...			
	Cộng			

... (Tên của tổ chức được ủy nhiệm thu thuế)..... thông báo để Tổng cục Hải quan biết./.

Nơi nhận:

.... (tên cơ quan hải quan)

.....

BÊN ĐƯỢC ỦY NHIỆM THU

(Chức danh người đại diện - nếu có)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu - nếu có)

Mẫu số 09/QĐAĐT/TXNKTÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNHCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-.....

....., ngày..... tháng..... năm 20...

QUYẾT ĐỊNH**Về việc án định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu****THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN HẢI QUAN BAN HÀNH.....**

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH10 ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012; Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế;

Căn cứ Luật hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014; Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Căn cứ Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005; Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

Căn cứ Luật thuế giá trị gia tăng; Luật thuế tiêu thụ đặc biệt; Luật thuế bảo vệ môi trường và Nghị định, Thông tư quy định chi tiết thi hành các Luật này;

Căn cứ.....

Trên cơ sở xem xét.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Án định thuế đối với.....(1) xuất khẩu, nhập khẩu thuộc.....(2) tại..... (3) của.....(4), Mã số thuế:....., địa chỉ.....

Điều 2. Lý do án định thuế: (5)

Điều 3. Tổng số tiền thuế ấn định

Sắc thuế	Chương	Tiểu mục	Số tiền thuế phải nộp			Số tiền thuế đã nộp	Số tiền thuế còn phải nộp
			Số theo kê khai (8)	Số ấn định (5*)	Chênh lệch sau ấn định (9) (6*) = (5*) - (4*)		
(1*)	(2*)	(3*)	(4*)	(5*)	(6*) = (5*) - (4*)	(7*)	(8*) = (5*) - (7*)
Thuế xuất nhập khẩu	Ghi theo Chương của Bộ chủ quản	1901/1902					
Thuế tiêu thụ đặc biệt		1751/1752					
Thuế bổ sung		(**)					
Thuế bảo vệ môi trường		(***)					
Thuế giá trị gia tăng		1702/1703					
Tổng cộng							

Tổng số tiền thuế còn phải nộp bằng chữ:.....
(Chi tiết theo bảng kê đính kèm) (6)

Điều 4...... (4) có trách nhiệm nộp đủ số tiền thuế phải nộp nêu tại Điều 3 quyết định này và tiền chậm nộp (nếu có) theo quy định tại khoản 32 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế vào tài khoản.....
..... tại Kho bạc Nhà nước.
..... hoặc nộp trực tiếp cho cơ quan hải quan hoặc nộp vào tài khoản chuyên thu của cơ quan hải quan tại Ngân hàng thương mại. Thời hạn nộp thuế được tính từ ngày... (7)

Nơi nhận:

- Tên người nộp thuế;
- Cục HQ.....;
-
- Lưu: VT, đơn vị soạn thảo (...b).

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN HQ
CÓ THẨM QUYỀN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Nêu rõ tên mặt hàng xuất nhập khẩu hoặc tên các lô hàng xuất nhập khẩu
- (2) - Ghi rõ thuộc tờ khai số..... ngày... tháng... năm.....
- Ghi rõ thuộc các tờ khai phát sinh từ ngày.... đến ngày... chi tiết tại bảng kê đính kèm (đối với trường hợp ấn định cho nhiều tờ khai)

(3) Ghi rõ chi cục Hải quan nơi mở tờ khai bị ấn định

(4) Ghi rõ tên tổ chức, cá nhân nộp thuế (người nộp thuế)

(5) Ghi rõ nguyên nhân ấn định thuế (ví dụ doanh nghiệp khai sai mã số mặt hàng..... cơ quan hải quan áp lại mã số mặt hàng... thuế suất....), ấn định yếu tố tính thuế hay ấn định số thuế phải nộp

(6) Trong trường hợp ấn định cho nhiều tờ khai thì số tiền thuế trên quyết định ấn định thuế là tổng số thuế ấn định của các tờ khai (kèm theo bảng kê chi tiết số thuế ấn định của từng tờ khai và được đóng dấu treo đính kèm quyết định).

(7) (i) Đối với tờ khai hải quan đăng ký trước ngày 01/7/2013: là ngày cơ quan hải quan ban hành quyết định ấn định thuế

(ii) Đối với tờ khai hải quan đăng ký kể từ ngày 01/7/2013 trở đi: là ngày đăng ký tờ khai hải quan đối với hàng hóa là nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu; ngày hoàn thành thủ tục hải quan tạm nhập khẩu hàng hóa đối với hàng tạm nhập - tái xuất; ngày thông quan hoặc giải phóng hàng đối với hàng hóa khác

(8) Số theo kê khai là số thuế phải nộp của tờ khai bị ấn định thuế, trước khi cơ quan hải quan ra quyết định ấn định, sử dụng đối với các tờ khai đã được thông quan sau đó thực hiện ấn định thuế. Trường hợp không sử dụng hoặc số thuế phải nộp trước khi ra quyết định ấn định bằng không thì ghi số (0).

(9) Chênh lệch sau ấn định là chênh lệch giữa số thuế phải nộp đã được ấn định và số thuế phải nộp trước khi ra quyết định ấn định đã được cơ quan hải quan ghi nhận sau khi đã thông quan (tăng ghi (+), giảm ghi (-)).

(*): Nếu người nộp thuế đã nộp thiếu thuế và còn phải nộp bổ sung thuế ghi (+); Nếu người nộp thuế đã nộp thừa thuế và được hoàn ghi (-).

(**): Tiểu mục thu thuế bổ sung:

1903 - Thuế nhập khẩu bổ sung (thuế tự vệ);

1951 - Thuế chống bán phá giá đối với hàng hóa NK vào VN;

1952 - Thuế chống trợ cấp đối với hàng hóa NK vào VN;

1953 - Thuế chống phân biệt đối xử đối với hàng hóa NK vào VN.

(***): Tiểu mục thu thuế bảo vệ môi trường:

2005 - Thu từ than đá;

2006 - Thu từ dung dịch hydro, chloro, fluoro, carbon;

2007 - Thu từ túi nilong;

2008 - Thu từ thuốc diệt cỏ;

2031 - Thu từ xăng nhập khẩu (trừ xăng nhập khẩu để bán trong nước);

2032 - Thu từ nhiên liệu bay nhập khẩu (trừ nhiên liệu bay nhập khẩu để bán trong nước);

2033 - Thu từ dầu Diesel nhập khẩu (trừ dầu Diesel nhập khẩu để bán trong nước);

2034 - Thu từ dầu hỏa nhập khẩu (trừ dầu hỏa nhập khẩu để bán trong nước);

2035 - Thu từ dầu mazut, dầu mỡ nhờn nhập khẩu (trừ dầu mazut, dầu mỡ nhờn nhập khẩu để bán trong nước);

2049 - Thu từ các sản phẩm khác, hàng hóa khác.

BẢNG KÊ CHI TIẾT

(Kèm theo Quyết định số...../QĐ..... ngày...../.....20.....)

STT	TKHQ		Chi cục HQ mở TK	Tên hàng hóa	Số thuế phải nộp				Số thuế đã nộp				Số thuế còn phải nộp/ Số thuế được giảm (VND)				Tổng cộng				
	Số	Ngày			NK	TTĐB	GTGT	BVMT	Thuế bổ sung	NK	TTĐB	GTGT	BVMT	Thuế bổ sung	NK	TTĐB		GTGT	BVMT	Thuế bổ sung	
Tổng cộng																					

Ghi chú: Khi áp dụng mẫu bảng kê này cơ quan hải quan có thể bổ sung một số tiêu chí khác để tiện tính toán và dễ hiểu trong các trường hợp cụ thể./.

Ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu 10/HQĐAĐT/TXNK

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-.....

....., ngày..... tháng..... năm 20...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc hủy quyết định án định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN HẢI QUAN BAN HÀNH.....

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH10 ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012; Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế.

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23/6/2014; Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Căn cứ Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005; Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

Căn cứ Luật thuế giá trị gia tăng.....; Luật thuế tiêu thụ đặc biệt.....; Luật thuế bảo vệ môi trường.....và Nghị định, Thông tư quy định chi tiết thi hành các Luật này;

Trên cơ sở xem xét.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ quyết định án định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu số...../QĐ-..... ngày..... tháng..... năm..... của..... đối với lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu thuộc tờ khai hải quan số..... ngày...../...../20..... của người bị án định thuế là.....

Điều 2. Lý do hủy bỏ quyết định án định thuế (1).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành trong thời hạn... ngày kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Tên người nộp thuế;
- Cục HQ.....;
-
- Lưu: VT, đơn vị soạn thảo (...b).

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN HQ
CÓ THẨM QUYỀN**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: (1) Ghi rõ nguyên nhân hủy bỏ quyết định án định thuế.

Mẫu số: 11/QĐHT/TXNK**TÊN CƠ QUAN HẢI QUAN
CÓ THẨM QUYỀN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../QĐXLTTNT

..... ngày....tháng.....năm....

Mã số quản lý hải quan

QUYẾT ĐỊNH**Về việc hoàn tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa
đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu****TÊN CƠ QUAN HẢI QUAN CÓ THẨM QUYỀN.....**

Căn cứ Luật quản lý thuế số 78/2006/QH10 ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012; Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế, Thông tư hướng dẫn Luật;

Căn cứ Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật thuế giá trị gia tăng số.....; Luật thuế tiêu thụ đặc biệt.....; Luật thuế bảo vệ môi trường..... và Nghị định, Thông tư quy định chi tiết thi hành các Luật này;

Căn cứ thủ tục thẩm quyền ra Quyết định hoàn tiền thuế (không thu thuế), tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa quy định tại..... Thông tư số.../.../20 ngày.../.../20... của Bộ Tài chính;

Xét hồ sơ đề nghị xử lý tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa của người nộp thuế..... Mã số thuế:..... Địa chỉ:..... và đề xuất tại tờ trình số.... ngày.... tháng.... năm.... của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hoàn trả số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đã nộp theo tờ khai/ quyết định số..... ngày..... tháng..... năm..... cho người nộp thuế..... Mã số thuế.....

Nội dung	Số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt được hoàn
- Thuế xuất khẩu đồng
- Thuế nhập khẩu đồng

Nội dung	Số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt được hoàn
- Thuế GTGT đồng
- Thuế TV, CBPG, CTC, PBDX* đồng
- Thuế tiêu thụ đặc biệt đồng
- Thuế bảo vệ môi trường đồng
- Tiền chậm nộp thuế đồng
- Tiền phạt vi phạm hành chính khác đồng
Tổng cộng đồng

Tổng số tiền viết bằng chữ:.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Người nộp thuế..... Mã số thuế..... và trưởng các bộ phận nghiệp vụ liên quan thuộc cơ quan ra quyết định..... chịu trách nhiệm thi hành quyết định này theo đúng quy định của pháp luật thuế.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- (**)
- Lưu: VT

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN HẢI QUAN
CÓ THẨM QUYỀN**
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(*): Thuế tự vệ, thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp, thuế chống phân biệt đối xử (nếu có).

(**): Các đơn vị có liên quan (Cơ quan Thuế nội địa, Kho bạc Nhà nước....)

*Mẫu số: 12/QĐKTT/TXNK*TÊN CƠ QUAN HẢI QUAN
CÓ THẨM QUYỀNCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

..... ngày.... tháng..... năm....

Mã số quản lý hải quan

QUYẾT ĐỊNH
Về việc không thu tiền thuế đối với
hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu**TÊN CƠ QUAN HẢI QUAN CÓ THẨM QUYỀN.....**

Căn cứ Luật quản lý thuế số 78/2006/QH10 ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012; Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế, Thông tư hướng dẫn Luật;

Căn cứ Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật thuế giá trị gia tăng số.....; Luật thuế tiêu thụ đặc biệt.....; Luật thuế bảo vệ môi trường..... và Nghị định, Thông tư quy định chi tiết thi hành các Luật này;

Căn cứ thủ tục thẩm quyền ra Quyết định hoàn tiền thuế (không thu thuế), tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa quy định tại..... Thông tư số.../.../20 ngày.../.../20... của Bộ Tài chính;

Xét hồ sơ đề nghị không thu tiền thuế của người nộp thuế..... Mã số thuế:.... Địa chỉ:..... và hồ sơ thanh khoản kèm theo

Xét đề xuất tại tờ trình số.... ngày.... tháng.... năm.... của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Không thu thuế của tờ khai số... ngày... tháng... năm... cho người nộp thuế... Mã số thuế.....

Lý do không thu:.....

Nội dung	Số tiền thuế không thu
- Thuế xuất khẩu đồng

Nội dung	Số tiền thuế không thu
- Thuế nhập khẩu đồng
- Thuế TV, CBPG, CTC, PBDX* đồng
- Thuế tiêu thụ đặc biệt đồng
- Thuế bảo vệ môi trường đồng
Tổng cộng đồng

Tổng số tiền viết bằng chữ:.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Người nộp thuế..... Mã số thuế..... và trưởng các bộ phận nghiệp vụ liên quan thuộc cơ quan ra quyết định..... chịu trách nhiệm thi hành quyết định này theo đúng quy định của pháp luật thuế.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN HẢI QUAN
CÓ THÂM QUYỀN
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(*): Thuế tự vệ, thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp, thuế chống phân biệt đối xử (nếu có).

Mẫu số 13/ĐKDDMMT/TXNK

DANH MỤC HÀNG HÓA ĐƯỢC MIỄN THUẾ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU
Số.....; ngày đăng ký.....

1. Tên tổ chức/cá nhân:.....; Mã số tổ chức/cá nhân:.....
2. Địa chỉ trụ sở tổ chức/cá nhân:.....
3. Tên dự án đầu tư.....
4. Địa điểm xây dựng dự án.....
5. Giấy chứng nhận đầu tư số.....; ngày cấp.....
6. Đăng ký tại cơ quan hải quan:.....
7. Thời gian dự kiến kết thúc nhập khẩu hàng hóa miễn thuế:.....

Số TT	Tên hàng, quy cách phẩm chất	Mã số HS	Đơn vị tính	Lượng	Trị giá	Trị giá dự kiến	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

Ngày... tháng... năm.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP/THỦ TRƯỞNG
CỦA TỔ CHỨC (HOẶC NGƯỜI
ĐƯỢC ỦY QUYỀN)/CÁ NHÂN**
(Ký; ghi rõ họ, tên; đóng dấu)

Ngày... tháng... năm.....

**CƠ QUAN HẢI QUAN LÀM THỦ TỤC
ĐĂNG KÝ**
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Số, ngày đăng ký danh mục do đơn vị Hải quan làm thủ tục đăng ký danh mục ghi, phù hợp với số thứ tự, ngày đăng ký ghi trong sổ theo dõi đăng ký danh mục.
- Trị giá ghi tại cột (6): nếu tại thời điểm đăng ký, doanh nghiệp chưa biết được chính xác trị giá hàng nhập khẩu thì ghi trị giá vào cột (7).

Mẫu số 14/CVĐKDMMT/TXNK**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số...../.....

V/v Đăng ký danh mục hàng hóa
xuất khẩu, nhập khẩu miễn thuế
nhập khẩu

....., ngày... tháng... năm...

Kính gửi: Cơ quan hải quan..... (2)

Tên tổ chức/cá nhân: (1)

Mã số thuế:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:.....; số Fax:

Lĩnh vực hoạt động:.....

Lý do miễn thuế: (ghi cụ thể đối tượng miễn thuế, cơ sở xác định đối tượng
miễn thuế).....Nay, (1)..... đăng ký danh mục xuất khẩu,
nhập khẩu hàng hóa được miễn thuế của:

Dự án đầu tư.....

- Lĩnh vực, địa bàn đầu tư.....

- Hạng mục công trình.....

-

*(Nếu nhập khẩu hàng hóa cho toàn bộ dự án thì không cần ghi chi tiết hạng
mục công trình)*Theo Giấy chứng nhận đầu tư số....., ngày....., hoặc.....được cấp bởi
cơ quan

Thời gian dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu từ..... đến

Cơ sở xác định hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu miễn thuế là:

1. Giấy chứng nhận đầu tư: 2. Giấy chứng nhận đầu tư mở rộng: 3. Quyết định của thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chương trình
dự án ODA: 4. Hợp đồng đóng tàu đối với NL, VT, BTP nhập khẩu phục vụ cho việc
đóng tàu:

5. Dự án sản xuất phần mềm:
6. Đề tài, đề án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được cấp có thẩm quyền phê duyệt:
7. Hợp đồng bán hàng hoặc hợp đồng cung cấp hàng hóa/hợp đồng ủy thác nhập khẩu hàng hóa, hợp đồng cung cấp dịch vụ/hợp đồng cho thuê tài chính:
8. Văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác nhận phạm vi, hàng hóa miễn thuế theo Điều ước quốc tế:
9. Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền cấp Danh mục hàng hóa miễn thuế cho các dự án cấp trước ngày 01/01/2006:
10. Khác⁽³⁾:

Các giấy tờ kèm theo công văn này gồm:

- 02 danh mục hàng hóa đăng ký nhập khẩu; 01 phiếu theo dõi, trừ lùi.

-

Tổ chức/cá nhân cam kết sử dụng hàng hóa nhập khẩu đúng mục đích đã được miễn thuế. Tổ chức/cá nhân sẽ thực hiện đúng quy định hiện hành về xuất nhập khẩu hàng hóa và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam kết này.

Tổ chức/cá nhân kính đề nghị Cơ quan hải quan..... cấp danh mục hàng hóa miễn thuế xuất khẩu, nhập khẩu cho Tổ chức/cá nhân theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận

- Như trên
- Lưu

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP/THỦ TRƯỞNG CỦA TỔ CHỨC
(hoặc người được ủy quyền)/CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)**

.....
Ghi chú:

- (1): Ghi tên tổ chức/cá nhân đăng ký danh mục;
- (2): Ghi tên cơ quan hải quan nơi đăng ký danh mục
- (3): Ghi cụ thể số hiệu, ngày tháng của văn bản làm cơ sở xác định hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu miễn thuế.

Mẫu số 15/PTDTL/TXNK

Số tờ.....

Tờ số.....

PHIẾU THEO DÕI, TRỪ LÌ HÀNG HÓA MIỄN THUẾ NHẬP KHẨU

1. Danh mục hàng hóa nhập khẩu tạo tài sản cố định dự án đầu tư được miễn thuế nhập khẩu số..... ngày..... tháng..... năm.....

2. Tên tổ chức/cá nhân:.....; Mã số tổ chức/cá nhân:.....

3. Địa chỉ trụ sở tổ chức/cá nhân:.....

4. Tên dự án đầu tư.....

Số TT	Số, ký hiệu, ngày tờ khai hải quan	Tên hàng, quy cách phẩm chất	Đơn vị tính	Hàng hóa nhập khẩu theo tờ khai hải quan (Số lượng)	Hàng hóa còn lại chưa nhập khẩu (Số lượng)	Công chức hải quan thông kê, trừ lùi ký tên, đóng dấu công chức
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

CƠ QUAN HẢI QUAN CẤP PHIẾU THEO DÕI TRỪ LÌ

(Ký tên; đóng dấu)

Ghi chú:

- Số tờ, tờ số và các tiêu chí tại các mục 1, 2, 3, 4 do Hải quan nơi cấp phiếu theo dõi, trừ lùi ghi. Khi cấp phiếu theo dõi, trừ lùi, nếu 01 phiếu gồm nhiều tờ thì đơn vị Hải quan phải đóng dấu treo lên tất cả các tờ.

- Số liệu tại các cột từ 1 đến 7 của Phiếu do Hải quan nơi làm thủ tục nhập khẩu hàng hóa ghi.

Khi doanh nghiệp đã nhập khẩu hết hàng hóa theo Danh mục đã đăng ký thì Chi cục Hải quan cuối cùng xác nhận lên bản chính “đã nhập hết hàng hóa miễn thuế” và sao y bản chính 01 bản gửi Cục Hải quan nơi đăng ký Danh mục hàng hóa miễn thuế.

**TỔNG CỤC HẢI QUAN
CỤC HẢI QUAN.....**

Mẫu số 16/BCTHDMMT/TTXNK

....., ngày.... tháng... năm...

**BÁO CÁO TỔNG HỢP ĐĂNG KÝ DANH MỤC HÀNG HÓA
MIỄN THUẾ NHẬP KHẨU TẠO TSCĐ CỦA DỰ ÁN ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ QUÝ.../NĂM...**

STT	Tên dự án được ưu đãi đầu tư	Giấy chứng nhận đầu tư (Số, ngày, cơ quan cấp)	Thuộc đối tượng miễn thuế		Tổng số DMMT doanh nghiệp đăng ký đã được cơ quan HQ cấp	Dự án chưa nhập khẩu hết hàng hóa theo DMMT đã đăng ký	Dự án đã kết thúc việc nhập khẩu hết hàng hóa theo DMMT đã đăng ký	Việc thực hiện quyết toán theo quy định	Ghi chú	
			Theo địa bàn ưu đãi đầu tư	Theo lĩnh vực ưu đãi đầu tư						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Dự án A									
	Dự án B									
	...									
	Tổng số:									

CƠ QUAN HẢI QUAN BÁO CÁO

(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Tổng cục Hải quan;
- Lưu.....

Ghi chú:

Tại cột 5, cột 6: Đề nghị ghi rõ miễn thuế theo lĩnh vực ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư cụ thể theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 149/2005/NĐ-CP, Nghị định số 108/2006/NĐ-CP, Nghị định số 124/2008/NĐ-CP, Nghị định số 87/2010/NĐ-CP của Chính phủ.....

Ví dụ: Dự án sản xuất, tinh chế thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản quy định tại điểm 2.1, Mục II, Phần B - Danh mục lĩnh vực khuyến khích đầu tư, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 87/2010/NĐ-CP

Mẫu số 17/BCKT-NKMT/TTXNK - Báo cáo sử dụng hàng hóa nhập khẩu miễn thuế

BÁO CÁO SỬ DỤNG HÀNG HÓA NHẬP KHẨU MIỄN THUẾ

Tên doanh nghiệp..... Mã số thuế.....
 Tên dự án đầu tư (Hạng mục đầu tư).....
 Thời điểm bắt đầu thực hiện dự án đầu tư (Hạng mục đầu tư)..... Thời điểm kết thúc nhập khẩu hàng hóa.....
 Giấy chứng nhận đầu tư số:..... Nơi cấp:.....
 Tên Hợp đồng:..... Số:..... Ngày:.....

(ĐVT: Đồng)

TT	Tên hàng	Đã sử dụng vào mục đích miễn thuế			Đã chuyển đổi mục đích sử dụng			Tồn kho chưa sử dụng			Hạch toán vào sổ tài sản cố định theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC			Ghi chú
		Số lượng	Trị giá	Tờ khai số, ngày	Số lượng	Trị giá	Tờ khai số, ngày	Số lượng	Trị giá	Tờ khai số, ngày	Được hạch toán TSCĐ	Không được hạch toán TSCĐ		
1	Máy A	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
2	Máy B													
3	Nguyên liệu C													
...													

....., ngày..... tháng..... năm.....

CHỦ DỰ ÁN
 (Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Đối với nguyên liệu, vật tư, linh kiện, bán thành phẩm không ghi tờ khai hải quan, ghi số danh mục miễn thuế và nơi đăng ký tại cột (4), (7), (10)

Mẫu số 18/MDHT/TXNK**1. Mẫu dấu hoàn thuế, không thu thuế đóng trên tờ khai theo khoản 1 Điều 131:**

Hoàn thuế (không thu thuế)... đồng, theo Quyết định số... ngày... tháng... năm... của...

2. Mẫu dấu bù trừ tiền thuế đóng trên tờ khai theo khoản 1.b Điều 132:

Số tiền thuế được trừ... đồng, theo Quyết định hoàn tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa số... ngày... tháng... năm... của... và Quyết định khấu trừ số... ngày... tháng... năm... của...

Mẫu dấu bù trừ tiền thuế đóng trên quyết định hoàn thuế theo khoản 1.b Điều 132:

Số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đã trừ... đồng

Số TKHQ đã được bù trừ:

- TK... ngày... tháng... năm...

- TK... ngày... tháng... năm...

Mẫu số 19/TB-TTN-TCNI/TXNK

TÊN CQ CHỦ QUẢN CẤP TRÊN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TÊN CQ RA THÔNG BÁO ⁽¹⁾ **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../TB-⁽²⁾.......... ⁽³⁾, ngày... tháng... năm.....

THÔNG BÁO
Về tiền thuế nợ và tiền chậm nộp

Chi cục Hải quan..... thông báo:

1. ⁽⁴⁾ còn nợ tiền thuế, tiền chậm nộp của các tờ khai hải quan mở tại Chi cục Hải quan..... là..... đồng.

(Chi tiết theo bảng kê đính kèm)

2. Yêu cầu..... ⁽⁴⁾ nộp đủ số tiền thuế, tiền chậm nộp của các tờ khai (theo bảng kê nêu trên) vào tài khoản số..... mở tại Kho bạc Nhà nước.....

Quá thời hạn quy định mà..... ⁽⁴⁾ không thực hiện việc nộp tiền thuế, tiền chậm nộp theo thông báo này thì cơ quan hải quan sẽ áp dụng các biện pháp cưỡng chế theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- (4).... (01 bản);
- (01 bản);
- Lưu: VT, Tên cơ quan ra thông báo (viết tắt) (... bản);

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)***Ghi chú:**

⁽¹⁾ Dòng trên ghi tên cơ quan chủ quản cấp trên trực tiếp, dòng dưới ghi tên cơ quan ra thông báo;

⁽²⁾ Ghi chữ viết tắt tên cơ quan ra thông báo;

⁽³⁾ Ghi địa danh hành chính;

⁽⁴⁾ Ghi tên người nộp thuế còn nợ tiền thuế, tiền chậm nộp.

Mẫu số 20/TB-TTN-TCN2/TXNK

TÊN CQ CHỦ QUẢN CẤP TRÊN
TÊN CQ RA THÔNG BÁO ⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TB-⁽²⁾.....

..... ⁽³⁾, ngày... tháng... năm.....

THÔNG BÁO
Về tiền thuế nợ và tiền chậm nộp

Chi cục Hải quan..... thông báo:

1. ⁽⁴⁾ nhận bảo lãnh số tiền thuế theo văn bản bảo lãnh số..... ngày... tháng... năm

Đơn vị được bảo lãnh là: ⁽⁵⁾

Đến nay..... ⁽⁵⁾ còn nợ tiền thuế, tiền chậm nộp của các tờ khai hải quan mở tại Chi cục Hải quan..... là.....đồng.

(Chi tiết theo bảng kê đính kèm)

2. Yêu cầu..... ⁽⁴⁾ nộp đủ số tiền thuế, tiền chậm nộp của các tờ khai (theo bảng kê nêu trên) vào tài khoản số..... mở tại Kho bạc Nhà nước.....

Quá thời hạn quy định mà..... ⁽⁴⁾ không thực hiện việc nộp tiền thuế, tiền chậm nộp theo Thông báo này thì cơ quan Hải quan sẽ áp dụng các biện pháp cưỡng chế theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- (4).... (01 bản);
- (01 bản);
- Lưu: VT, Tên cơ quan ra thông báo (viết tắt) (... bản);

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Dòng trên ghi tên cơ quan chủ quản cấp trên trực tiếp, dòng dưới ghi tên cơ quan ra thông báo;

⁽²⁾ Ghi chữ viết tắt tên cơ quan ra thông báo;

⁽³⁾ Ghi địa danh hành chính;

⁽⁴⁾ Ghi tên tổ chức bảo lãnh;

⁽⁵⁾ Ghi tên người xuất nhập khẩu được bảo lãnh.

Phụ lục VII
CHỨNG TỪ THANH TOÁN QUA NGÂN HÀNG

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTC
ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ Tài chính)*

1. Chứng từ thanh toán qua ngân hàng để xem xét hoàn thuế (hoặc không thu thuế) được thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục này.

2. Thanh toán qua ngân hàng là việc chuyển tiền từ ngân hàng của bên nhập khẩu sang ngân hàng của bên xuất khẩu để thanh toán tiền hàng hoá, dịch vụ cho bên xuất khẩu theo các hình thức thanh toán phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng và quy định của ngân hàng.

Chứng từ thanh toán là chứng từ của ngân hàng phục vụ người xuất khẩu báo cho người xuất khẩu đã nhận được tiền hàng xuất khẩu. Trường hợp thanh toán trả chậm, phải có thỏa thuận ghi trong hợp đồng xuất khẩu, đến thời hạn thanh toán, người xuất khẩu phải có chứng từ thanh toán qua ngân hàng. Trường hợp ủy thác xuất khẩu thì bên nhận ủy thác xuất khẩu phải được phía nước ngoài thanh toán qua ngân hàng.

3. Đồng tiền thanh toán đối với xăng dầu xuất khẩu và tạm nhập tái xuất phải là ngoại tệ tự do chuyển đổi qua ngân hàng phù hợp với quy định hiện hành về quản lý ngoại hối, trừ các trường hợp thương nhân Việt Nam bán xăng dầu cho thương nhân thuộc các khu vực hải quan riêng nằm trên lãnh thổ Việt Nam như khu chế xuất, doanh nghiệp chế xuất, khu bảo thuế, khu thương mại - công nghiệp và các khu vực kinh tế khác được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ trong đó quy định quan hệ mua bán trao đổi hàng hóa giữa các khu vực này với nội địa là quan hệ xuất khẩu, nhập khẩu và các hãng hàng không Việt Nam có máy bay bay tuyến quốc tế, thương nhân Việt Nam có tàu biển chạy tuyến quốc tế được thực hiện thanh toán bằng đồng Việt Nam.

4. Các trường hợp thanh toán sau cũng được coi là thanh toán qua ngân hàng:

4.1. Trường hợp hàng hóa xuất khẩu được thanh toán cản trừ vào khoản tiền vay nợ nước ngoài, người xuất khẩu phải có đủ điều kiện, thủ tục hồ sơ như sau:

a) Hợp đồng vay nợ (đối với những khoản vay tài chính có thời hạn dưới 01 năm); hoặc giấy xác nhận đăng ký khoản vay của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (đối với những khoản vay trên một năm);

b) Chứng từ chuyển tiền của phía nước ngoài vào Việt Nam qua ngân hàng;

Phương thức thanh toán hàng hóa xuất khẩu cản trừ vào khoản nợ vay nước ngoài phải được quy định trong hợp đồng xuất khẩu.

c) Bản xác nhận của phía nước ngoài về việc cản trừ khoản nợ vay;

d) Trường hợp sau khi cần trừ giá trị hàng hóa xuất khẩu vào khoản nợ vay của nước ngoài có chênh lệch, thì số tiền chênh lệch phải thực hiện thanh toán qua ngân hàng. Chứng từ thanh toán qua ngân hàng thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục này.

4.2. Trường hợp người xuất khẩu hàng hóa được thanh toán tiền hàng hóa xuất khẩu qua ngân hàng nhưng phía nước ngoài ủy quyền cho bên thứ ba là tổ chức, cá nhân ở nước ngoài thực hiện thanh toán, ngoài việc cung cấp chứng từ thanh toán thì việc thanh toán theo ủy quyền phải được thể hiện bằng văn bản (trong hợp đồng xuất khẩu; phụ lục hợp đồng hoặc văn bản điều chỉnh thanh toán).

4.3. Trường hợp phía nước ngoài thanh toán từ tài khoản tiền gửi vãng lai tại Việt Nam thì việc thanh toán phải thực hiện thanh toán qua ngân hàng. Chứng từ thanh toán là chứng từ của ngân hàng phục vụ người xuất khẩu báo cho người xuất khẩu đã nhận được tiền hàng xuất khẩu từ tài khoản vãng lai của người mua hoặc người được phía nước ngoài ủy quyền thanh toán.

4.4. Trường hợp người xuất khẩu hàng hóa để bán tại hội chợ, triển lãm ở nước ngoài, nếu thu và chuyển về nước bằng tiền mặt ngoại tệ của nước tổ chức hội chợ, triển lãm, người xuất khẩu phải có chứng từ kê khai với cơ quan hải quan về số ngoại tệ tiền mặt thu được do bán hàng hóa chuyển về nước và chứng từ nộp tiền vào ngân hàng tại Việt Nam.

4.5. Trường hợp xuất khẩu hàng hóa để trả nợ nước ngoài cho Chính phủ thì phải có xác nhận của ngân hàng ngoại thương về số hàng hóa xuất khẩu đó được phía nước ngoài chấp nhận trừ nợ hoặc xác nhận bộ chứng từ đó được gửi cho phía nước ngoài để trừ nợ.

4.6. Trường hợp việc thanh toán giữa người xuất khẩu của Việt Nam và phía nước ngoài thực hiện bằng hình thức bù trừ giữa giá trị hàng hóa xuất khẩu hoặc tiền công gia công hàng hóa xuất khẩu với giá trị hàng hóa, dịch vụ mua của phía nước ngoài thì người xuất khẩu phải đáp ứng các điều kiện, thủ tục hồ sơ sau:

a) Hàng hóa mua bán giữa người xuất khẩu với bên nước ngoài phải ghi rõ phương thức thanh toán trong hợp đồng xuất khẩu;

b) Văn bản xác nhận của phía nước ngoài về số tiền thanh toán bù trừ giữa hàng hóa xuất khẩu với hàng hóa nhập khẩu, dịch vụ mua của phía nước ngoài;

c) Trường hợp sau khi thanh toán bù trừ giữa trị giá hàng hóa xuất khẩu và trị giá hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu có chênh lệch, số tiền chênh lệch còn lại phải được thực hiện thanh toán qua ngân hàng. Chứng từ thanh toán qua ngân hàng theo hướng dẫn tại Phụ lục này.

4.7. Trường hợp số tiền thanh toán trên chứng từ thanh toán không phù hợp với số tiền phải thanh toán như đã thỏa thuận trong hợp đồng hoặc phụ lục hợp đồng nhưng đúng tên tổ chức, cá nhân phải thanh toán thì xử lý như sau:

a) Nếu số tiền thanh toán trên chứng từ thanh toán có trị giá nhỏ hơn số tiền phải thanh toán như đã thỏa thuận trong hợp đồng hoặc phụ lục hợp đồng, thì người xuất khẩu phải giải trình rõ lý do như: phí chuyển tiền của ngân hàng, điều chỉnh giảm giá do hàng kém chất lượng hoặc thiếu hụt (đối với trường hợp này phải có văn bản thỏa thuận giảm giá giữa bên mua và bán)...;

b) Nếu số tiền thanh toán trên chứng từ thanh toán có giá trị lớn hơn số tiền phải thanh toán như đã thỏa thuận trong hợp đồng hoặc phụ lục hợp đồng, thì người xuất khẩu phải giải trình rõ lý do như: thanh toán một lần cho nhiều hợp đồng, ứng trước tiền hàng... và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự khai báo này.

4.8. Trường hợp phương thức thanh toán thay đổi so với phương thức đã được thỏa thuận trên hợp đồng xuất khẩu, người xuất khẩu phải cung cấp văn bản thông báo thay đổi hình thức thanh toán của người mua nước ngoài.

4.9. Trường hợp chứng từ thanh toán không đúng tên ngân hàng phải thanh toán đã thỏa thuận trên hợp đồng nhưng nội dung chứng từ thể hiện rõ tên người thanh toán, tên người thụ hưởng, số hợp đồng xuất khẩu, giá trị thanh toán phù hợp với hợp đồng xuất khẩu đã được ký kết thì được chấp nhận là chứng từ thanh toán hợp lệ.

4.10. Các trường hợp người mua không thanh toán được tiền hàng do phá sản, bỏ trốn... nên người xuất khẩu không cung cấp được chứng từ thanh toán cho cơ quan hải quan thì người xuất khẩu có văn bản giải trình rõ lý do kèm theo văn bản chứng minh sự việc đã giải trình và phải cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về giải trình trên.

4.11. Các trường hợp thanh toán tiền hàng xuất khẩu bằng ngoại tệ tiền mặt, người xuất khẩu phải xuất trình giấy phép của Ngân hàng Nhà nước về việc cho thu ngoại tệ tiền mặt từ xuất khẩu: ở Trung ương do Vụ Quản lý ngoại hối - Ngân hàng Nhà nước cấp, ở địa phương do Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh biên giới cấp. Việc thu nộp ngoại tệ phải được thực hiện đúng thời hạn qui định trên giấy phép của Ngân hàng Nhà nước. Giấy phép thu ngoại tệ tiền mặt từ xuất khẩu của Ngân hàng Nhà nước cùng xác nhận của ngân hàng nơi mở tài khoản về việc nộp ngoại tệ tiền mặt thu được từ xuất khẩu được coi là chứng từ thanh toán hợp lệ cho hợp đồng xuất khẩu.

4.12. Trường hợp hàng hóa bán cho thương nhân nước ngoài nhưng giao hàng cho các cơ sở kinh doanh khác tại Việt Nam theo chỉ định của thương nhân nước ngoài để làm nguyên liệu sản xuất, gia công hàng xuất khẩu thì việc thanh toán của thương nhân nước ngoài phải thực hiện qua ngân hàng bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi.

Phụ lục VIII**BIỂU MẪU VỀ KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN**

(Ban hành kèm Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính)

1. Mẫu Quyết định về việc kiểm tra sau thông quan (số 01/2015-KTSTQ).
2. Mẫu Thông báo thu thập thông tin tại doanh nghiệp (số 02/2015-KTSTQ).
3. Mẫu Quyết định sửa đổi, bổ sung quyết định kiểm tra sau thông quan (số 03/2015-KTSTQ).
4. Mẫu Quyết định gia hạn thời gian kiểm tra sau thông quan (số 04/2015-KTSTQ).
5. Mẫu Kết luận kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan (số 05/2015-KTSTQ).
6. Mẫu Thông báo kết quả kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan hải quan (số 06/2015-KTSTQ).
7. Mẫu Quyết định hủy Quyết định kiểm tra sau thông quan (số 07/2015-KTSTQ).
8. Mẫu Biên bản kiểm tra (số 08/2015-KTSTQ).
9. Mẫu biên bản công bố quyết định kiểm tra (số 09/2015-KTSTQ).

Mẫu số: 01/2015-KTSTQ

TÊN CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN
TÊN ĐƠN VỊ BAN HÀNH VĂN BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:../QĐ-Cơ quan ban hành VB

..., ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc kiểm tra sau thông quan tại.....

TỔNG CỤC TRƯỞNG TCHQ/CỤC TRƯỞNG CỤC KTSTQ
CỤC TRƯỞNG CỤC HQ.../CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC.....

Căn cứ Luật.....

Căn cứ Nghị định.....

Căn cứ Thông tư.....

Xét đề nghị tại..... ngày..... của..... về kiểm tra sau thông quan tại.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kiểm tra sau thông quan đối với.....⁽¹⁾.....

Mã số thuế:.....

Địa chỉ:.....

Địa điểm kiểm tra:.....

Thời hạn kiểm tra:..... ngày làm việc, kể từ ngày.....

Điều 2. Thành lập đoàn/nhóm⁽⁴⁾ kiểm tra gồm các ông (bà) có tên sau đây:

1. Ông/bà... chức vụ/ngạch công chức (nếu có)... trưởng đoàn/trưởng nhóm⁽⁴⁾;

2. Ông/bà..... (như trên)..... phó đoàn (nếu có);

3. Ông/bà..... (như trên)..... thành viên;

Điều 3. Phạm vi, nội dung kiểm tra gồm:

- Phạm vi kiểm tra:.....

- Nội dung kiểm tra:.....

Điều 4. Đoàn/nhóm⁽⁴⁾ kiểm tra có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại.....; Người khai hải quan⁽¹⁾..... có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại....., có trách nhiệm cử đại diện theo pháp luật hoặc đại diện được ủy quyền làm việc với cơ quan hải quan và chuẩn bị hồ sơ, chứng từ, tài liệu có liên quan⁽²⁾.

Điều 5. Đoàn/nhóm⁽⁴⁾ kiểm tra, Thủ trưởng đơn vị triển khai thực hiện kiểm tra⁽³⁾ và.....⁽¹⁾..... có trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- VT, Tên cơ quan;

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Tên người khai hải quan - Tên chủ hàng hóa, đại lý làm thủ tục hải quan, tên tổ chức, cá nhân được chủ hàng hóa ủy quyền thực hiện thủ tục hải quan.

⁽²⁾ Trường hợp kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan hải quan, phải nêu cụ thể hồ sơ, chứng từ tài liệu cần cung cấp theo Điều 79, Luật Hải quan số 54/2014/QH13) tại phần nội dung kiểm tra.

⁽³⁾ Cục trưởng Cục KTSTQ hoặc Chi cục trưởng Chi cục KTSTQ (trong trường hợp quyết định kiểm tra tại trụ sở người khai hải quan do Tổng cục trưởng TCHQ hoặc Cục trưởng cục HQ ban hành).

⁽⁴⁾ Đoàn kiểm tra trong trường hợp kiểm tra tại trụ sở người khai hải quan, nhóm kiểm tra trong trường hợp kiểm tra tại trụ sở cơ quan hải quan.

Mẫu số: 02/2015-KTSTQ

TÊN CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 TÊN ĐƠN VỊ BAN HÀNH VĂN BẢN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../TB-Cơ quan ban hành VB

..., ngày... tháng... năm...

THÔNG BÁO**Về việc thu thập thông tin tại trụ sở người khai hải quan****1. Căn cứ pháp lý:**

.....

2. Đối tượng thu thập thông tin:

.....⁽¹⁾

Mã số thuế: Địa chỉ:

3. Mục đích yêu cầu: (Làm rõ mục đích, yêu cầu của việc thu thập thông tin)

.....

4. Nội dung thu thập thông tin: (Xác định cụ thể nội dung: cần thu thập thông tin, tài liệu gì)

.....

5. Thời kỳ thu thập thông tin: (Thu thập thông tin từ thời gian..... đến thời gian.....):**6. Nhân sự, thời gian thu thập thông tin:**

6.1. Nhân sự: (Số người, thành viên tham gia):

6.2. Thời gian thực hiện (tối đa không quá 3 ngày làm việc thực tế tại trụ sở người khai hải quan):

7. Nội dung khác (Nếu có)**Nơi nhận:**

- ;
 -

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
 (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Tên người khai hải quan - Tên chủ hàng hóa, đại lý làm thủ tục hải quan, tên tổ chức, cá nhân được chủ hàng hóa ủy quyền thực hiện thủ tục hải quan.

*Mẫu số: 03/2015-KTSTQ*TÊN CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN
TÊN ĐƠN VỊ BAN HÀNH VĂN BẢNCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:../QĐ-Cơ quan ban hành VB

..., ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH**Về việc sửa đổi, bổ sung quyết định kiểm tra sau thông quan
tại trụ sở cơ quan hải quan/người khai hải quan****TỔNG CỤC TRƯỞNG TCHQ/CỤC TRƯỞNG CỤC KTSTQ/
CỤC TRƯỞNG CỤC HQ.../CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC.....**

Căn cứ Luật.....

Căn cứ Nghị định.....

Căn cứ Thông tư.....

Xét đề nghị tại..... ngày..... của..... về kiểm tra sau thông quan, tại trụ
sở.....⁽¹⁾.....,**QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Sửa đổi bổ sung một số nội dung nêu tại Điều..... Quyết định số....
ngày..... của..... như sau:

Nội dung sửa đổi bổ sung:.....

.....

Điều 2. Giữ nguyên các nội dung khác của điều..... và các điều
khác tại Quyết định số..... ngày..... của.....**Điều 3.** Đoàn kiểm tra, Thủ trưởng đơn vị triển khai thực hiện kiểm tra⁽²⁾
và...⁽³⁾..... có trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, Tên đơn vị.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

⁽¹⁾: Trường hợp KTSTQ tại trụ sở cơ quan hải quan: Ghi rõ tên cơ quan hải quan; Trường hợp KTSTQ tại trụ sở người khai hải quan: Ghi rõ tên người khai hải quan - Tên chủ hàng hóa, đại lý làm thủ tục hải quan, tên tổ chức, cá nhân được chủ hàng hóa ủy quyền thực hiện thủ tục hải quan.

⁽²⁾ Cục trưởng Cục KTSTQ hoặc Chi cục trưởng Chi cục KTSTQ (trong trường hợp quyết định kiểm tra tại trụ sở người khai hải quan do Tổng cục trưởng TCHQ hoặc Cục trưởng cục HQ ban hành).

⁽³⁾ Tên người khai hải quan - Tên chủ hàng hóa, đại lý làm thủ tục hải quan, tên tổ chức, cá nhân được chủ hàng hóa ủy quyền thực hiện thủ tục hải quan.

Mẫu số: 04/2015-KTSTQTÊN CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN
TÊN ĐƠN VỊ BAN HÀNH VĂN BẢNCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-Cơ quan ban hành VB

..., ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH**Về việc gia hạn thời gian kiểm tra sau thông quan****TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN/CỤC TRƯỞNG CỤC KTSTQ/
CỤC TRƯỞNG CỤC HẢI QUAN.../CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC.....**

Căn cứ Luật.....

Căn cứ Nghị định.....

Căn cứ Thông tư.....

Xét đề nghị tại..... ngày..... của..... về việc gia hạn thời gian kiểm tra sau
thông quan tại trụ sở.....⁽¹⁾.....;**QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Gia hạn thời gian kiểm tra nêu tại Điều..... Quyết định
số..... ngày..... của..... như sau:Thời gian gia hạn kiểm tra là..... (bằng chữ) ngày làm việc, kể
từ ngày.....**Điều 2.** Giữ nguyên các nội dung khác của điều... và các điều khác tại Quyết
định số..... ngày..... của.....**Điều 3.** Đoàn kiểm tra, Thủ trưởng đơn vị triển khai thực hiện kiểm tra⁽²⁾
và.....⁽³⁾..... có trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 ;

- Lưu: VT, Tên đơn vị.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)**Ghi chú:**⁽¹⁾: Trường hợp KTSTQ tại trụ sở cơ quan hải quan: Ghi rõ tên cơ quan hải quan;
Trường hợp KTSTQ tại trụ sở người khai hải quan: Ghi rõ tên người khai hải quan - Tên
chủ hàng hóa, đại lý làm thủ tục hải quan, tên tổ chức, cá nhân được chủ hàng hóa ủy
quyền thực hiện thủ tục hải quan.⁽²⁾ Cục trưởng Cục KTSTQ hoặc Chi cục trưởng Chi cục KTSTQ (trong trường hợp
quyết định kiểm tra tại trụ sở người khai hải quan do Tổng cục trưởng TCHQ hoặc Cục
trưởng cục HQ ban hành).⁽³⁾ Tên người khai hải quan - Tên chủ hàng hóa, đại lý làm thủ tục hải quan, tên tổ
chức, cá nhân được chủ hàng hóa ủy quyền thực hiện thủ tục hải quan.

Mẫu số: 05/2015-KTSTQTÊN CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN
TÊN ĐƠN VỊ BAN HÀNH VĂN BẢNCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm...

**BẢN KẾT LUẬN KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN
TẠI TRỤ SỞ NGƯỜI KHAI HẢI QUAN****1. Phần mở đầu:**

Căn cứ pháp lý:

Thực hiện Quyết định số..... ngày..... của..... về việc kiểm tra sau
thông quan tại trụ sở.....⁽¹⁾ mã số thuế:.....

Địa chỉ:.....

Từ ngày...../...../..... đến ngày...../...../.....

Người ban hành quyết định kiểm tra.....⁽²⁾ lập bản kết luận kết quả kiểm
tra sau thông quan như sau:**2. Phạm vi kiểm tra:⁽³⁾****3. Nội dung kiểm tra:⁽⁴⁾****4. Ý kiến của người khai hải quan được kiểm tra:⁽⁵⁾****5. Kết luận:**

- Kết luận về từng nội dung đã tiến hành kiểm tra;
- Kết luận về từng vi phạm, mức độ vi phạm của người khai hải quan (nếu có);
- Các biện pháp xử lý theo thẩm quyền đã được áp dụng;
- Kiến nghị của đoàn kiểm tra về biện pháp xử lý.

Hồ sơ, tài liệu kèm kết luận này gồm:

- 1)
- 2)

Nơi nhận:

- Người khai hải quan được kiểm tra;
- Lưu; VT, KTSTQ.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)**Ghi chú:**⁽¹⁾ Ghi rõ tên người khai hải quan - Tên chủ hàng hóa, đại lý làm thủ tục hải quan, tên tổ chức, cá nhân được chủ hàng hóa ủy quyền thực hiện thủ tục hải quan.⁽²⁾ Người ban hành quyết định kiểm tra: Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, Cục trưởng Cục KTSTQ, Cục trưởng Cục Hải quan, Chi cục trưởng Chi cục KTSTQ (trong trường hợp được ủy quyền).⁽³⁾ Ghi phạm vi về lĩnh vực kiểm tra (ví dụ: Kiểm tra về trị giá...); phạm vi về thời gian kiểm tra (ví dụ: Hồ sơ làm thủ tục hải quan từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...); phạm vi đối tượng kiểm tra.⁽⁴⁾ Ghi những nội dung đã kiểm tra và kết quả kiểm tra.⁽⁵⁾ Ghi những ý kiến người khai hải quan đã thống nhất và những ý kiến người khai hải quan chưa thống nhất với đoàn kiểm tra (nêu rõ lý do, căn cứ pháp luật mà công ty chưa thống nhất).

Mẫu số: 06/2015-KTSTQ

TÊN CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN
TÊN ĐƠN VỊ BAN HÀNH VĂN BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.../TB-Cơ quan ban hành VB

..., ngày... tháng... năm...

THÔNG BÁO

Về Kết quả kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan hải quan

1. Căn cứ pháp lý:

Thực hiện Quyết định số..... ngày..... của..... về việc kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan Hải quan đối với.....⁽¹⁾

Mã số thuế:..... Địa chỉ.....

(Người ký quyết định kiểm tra)..... thông báo kết quả kiểm tra sau thông quan, như sau:

2. Phạm vi kiểm tra:⁽²⁾

3. Nội dung kiểm tra:⁽³⁾

4. Ý kiến của người khai hải quan được kiểm tra:⁽⁴⁾

5. Kết quả kiểm tra:

- Kết quả về từng nội dung đã tiến hành kiểm tra;
- Kết quả về từng vi phạm, mức độ vi phạm của người khai hải quan (nếu có);
- Các biện pháp xử lý theo thẩm quyền đã được áp dụng;
- Kiến nghị về biện pháp xử lý.

Hồ sơ, tài liệu kèm Thông báo này gồm:

- 1)
- 2)

.....⁽¹⁾..... có trách nhiệm rà soát các sai phạm tương tự trong thời gian..... và đối chiếu với kết quả kiểm tra..... để nộp đủ thuế vào ngân sách Nhà nước.

Nơi nhận:

- Tên người khai hải quan được kiểm tra⁽¹⁾;
- Cục KTSTQ (thay báo cáo);
- Lưu: VT, KTSTQ.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Tên người khai hải quan - Tên chủ hàng hóa, đại lý làm thủ tục hải quan, tên tổ chức, cá nhân được chủ hàng hóa ủy quyền thực hiện thủ tục hải quan.

⁽²⁾ Ghi phạm vi về lĩnh vực kiểm tra (ví dụ: Kiểm tra về trị giá...); phạm vi về thời gian kiểm tra (ví dụ: Hồ sơ hải quan từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...).

⁽³⁾ Ghi những nội dung đã kiểm tra và kết quả kiểm tra.

⁽⁴⁾ Ghi những ý kiến người khai hải quan đã thống nhất và những ý kiến người khai hải quan chưa thống nhất với (Tên đơn vị kiểm tra) nêu rõ lý do, căn cứ pháp luật mà người khai hải quan chưa thống nhất).

*Mẫu số: 07/2015-KTSTQ*TÊN CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN
TÊN ĐƠN VỊ BAN HÀNH VĂN BẢNCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:../QĐ-Cơ quan ban hành VB

..., ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH**Về việc hủy Quyết định kiểm tra sau thông quan****TỔNG CỤC TRƯỞNG TCHQ/CỤC TRƯỞNG CỤC KTSTQ
CỤC TRƯỞNG CỤC HQ.../CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC.....**

Căn cứ Luật.....

Căn cứ Nghị định.....

Căn cứ Thông tư.....

Xét đề nghị tại..... ngày..... của..... về việc hủy Quyết định kiểm tra sau thông quan tại trụ sở.....⁽¹⁾.....**QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Hủy Quyết định số..... ngày..... tháng..... năm..... của..... về việc kiểm tra sau thông quan tại trụ sở.....⁽¹⁾.....**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.**Điều 3.** Đoàn kiểm tra theo Quyết định số..... và.....⁽³⁾....., thủ trưởng đơn vị triển khai thực hiện kiểm tra⁽²⁾ có trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, Tên đơn vị.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)**Ghi chú:**⁽¹⁾ Trường hợp KTSTQ tại trụ sở cơ quan hải quan: Ghi rõ tên cơ quan hải quan; Trường hợp KTSTQ tại trụ sở người khai hải quan: Ghi rõ tên người khai hải quan - Tên chủ hàng hóa, đại lý làm thủ tục hải quan, tên tổ chức, cá nhân được chủ hàng hóa ủy quyền thực hiện thủ tục hải quan.⁽²⁾ Cục trưởng Cục KTSTQ hoặc Chi cục trưởng Chi cục KTSTQ (trong trường hợp quyết định kiểm tra tại trụ sở người khai hải quan do Tổng cục trưởng TCHQ hoặc Cục trưởng cục HQ ban hành).⁽³⁾ Tên người khai hải quan - Tên chủ hàng hóa, đại lý làm thủ tục hải quan, tên tổ chức, cá nhân được chủ hàng hóa ủy quyền thực hiện thủ tục hải quan.

*Mẫu số: 08/2015-KTSTQ*CƠ QUAN CHỦ QUẢN CẤP TRÊN
CƠ QUAN LẬP BIÊN BẢN⁽¹⁾CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../BB-HC

BIÊN BẢN KIỂM TRA

Hôm nay, hồi..... giờ..... phút..... ngày..... tháng..... năm.....

Chúng tôi gồm:

1. Ông (bà):..... Chức vụ:..... Đơn vị.....
2. Ông (bà):..... Chức vụ:..... Đơn vị.....

Đã làm việc với:

1. Ông (bà):..... Năm sinh..... Quốc tịch.....

Chức danh:..... Công ty.....

Địa chỉ:.....

Giấy CMND/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

2.

Nội dung kiểm tra:

Biên bản kết thúc vào hồi.....

Biên bản được lập thành..... bản, mỗi bản gồm..... tờ, có nội dung và giá trị như nhau, đã giao cho.....01 bản.

Sau khi đọc biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản và cùng ký vào biên bản.

Ý kiến bổ sung khác (nếu có)⁽²⁾:

.....

NGƯỜI THAM GIA LÀM VIỆC⁽³⁾
(Ký, ghi rõ họ tên)**NGƯỜI THAM GIA KIỂM TRA⁽⁴⁾**
(Ký, ghi rõ họ tên)⁽²⁾ Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải nêu ý kiến của mình, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.⁽³⁾ Thành phần tham gia là danh sách cá nhân đã được cử làm việc với đoàn kiểm tra tại biên bản công bố quyết định kiểm tra. Trường hợp đại diện có thẩm quyền ký biên bản phải ký ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu của người khai hải quan.⁽⁴⁾ Thành phần tham gia là thành viên đoàn kiểm tra tại quyết định kiểm tra. Trường hợp trưởng đoàn kiểm tra ký trên biên bản ghi rõ chức danh trưởng đoàn.

*Mẫu số 09/2015-KTSTQ*CƠ QUAN CHỦ QUẢN CẤP TRÊN
CƠ QUAN LẬP BIÊN BẢN ⁽¹⁾CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../BB-HC

BIÊN BẢN CÔNG BỐ QUYẾT ĐỊNH KIỂM TRA

Hôm nay vào hồi.... ngày..... tháng..... năm....., tại.....:

I. Đại diện cơ quan hải quan có các ông (bà):

1. Ông (bà)..... Chức vụ:....., Trưởng đoàn kiểm tra
2. Ông (bà)..... Chức vụ:....., Phó trưởng Đoàn (nếu có)
3. Ông (bà)....., thành viên.
4.

II. Tên đơn vị được kiểm tra.....

1. Ông (bà)..... Chức vụ:.....,
2. Ông (bà)..... Chức vụ:.....,

Nội dung như sau:

1. Trưởng Đoàn kiểm tra công bố Quyết định kiểm tra:
 - Công bố toàn văn Quyết định KTSTQ; giới thiệu thành viên trong Đoàn; Quán triệt mục đích, yêu cầu cuộc kiểm tra; Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng đoàn, thành viên đoàn; Quyền và nghĩa vụ của đối tượng kiểm tra;
 - Các yêu cầu của Đoàn kiểm tra.

2. Hai bên thống nhất phương pháp, cách thức làm việc.

3. Danh sách cá nhân được người khai hải quan cử tham gia cung cấp hồ sơ, tài liệu, làm việc và ký biên bản với Đoàn kiểm tra (ghi rõ họ và tên, chức danh, số chứng minh thư).

Người khai hải quan đã kiểm tra kỹ toàn bộ nội dung của quyết định kiểm tra và công nhận là đúng và đồng ý tiếp nhận quyết định kiểm tra.

Biên bản kết thúc vào hồi..... giờ cùng ngày.

Biên bản được lập thành..... bản, mỗi bản gồm..... tờ, có nội dung và giá trị như nhau, đã giao cho..... 01 bản.

Sau khi đọc biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản và cùng ký vào biên bản.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA NGƯỜI KHAI HẢI QUAN ⁽²⁾**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN HẢI QUAN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục IX
BIỂU MẪU BAN HÀNH THEO QUY ĐỊNH TẠI LUẬT HẢI QUAN
NĂM 2014 VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 08/2015/NĐ-CP
(Ban hành kèm Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính)

TT	Tên Biểu mẫu	Số hiệu
1	Bản kê hàng hóa quá cảnh không qua lãnh thổ đất liền	Mẫu số 01
2	Bảng kê tạm nhập hoặc tạm xuất container/bồn mèm rỗng	Mẫu số 02
3	Đơn đề nghị thành lập địa điểm (kho ngoại quan, địa điểm thu gom hàng lẻ, địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa được thành lập trong nội địa, kho hàng không kéo dài, địa điểm làm thủ tục hải quan ngoài cửa khẩu, địa điểm kiểm tra tập trung)	Mẫu số 03
4	Báo cáo tình hình sử dụng nguyên liệu đưa vào, đưa ra kho bảo thuế theo quý	Mẫu số 04
5	Báo cáo tình hình sử dụng đưa vào, đưa ra kho bảo thuế theo năm	Mẫu số 05

Mẫu số 01

BẢN KÊ HÀNG HÓA QUÁ CẢNH

(Bản lưu cơ quan hải quan)

1. Đơn vị kinh doanh dịch vụ quá cảnh:
2. Phương tiện vận tải:
 - Tên phương tiện:..... số hiệu/chuyên.....
 - Ngày nhập cảnh:...../...../.....
 - Cảng dỡ hàng.....
 - Địa điểm, thời gian lưu kho:.....
3. Giấy phép quá cảnh (nếu có):
 - Số, ngày gây phép, ngày hiệu lực.....

I. PHẦN KÊ KHAI HÀNG NHẬP CẢNH				II. PHẦN KÊ KHAI HÀNG XUẤT CẢNH							
Số TT	Số vận đơn	Loại cont		Số cont, số seal hàng tàu	Trọng lượng (kgs)	Tên hàng	Tên, địa chỉ chủ hàng	Tên PTVT	Ngày xuất cảnh	Nước xuất cảnh	Ghi chú (tình trạng hàng hóa)
		20'	40' khác								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
.....										
.....										
Tổng cộng:							
				Ngày..... tháng..... năm..... (Ký tên, đóng dấu)				Ngày..... tháng..... năm..... (Ký tên, đóng dấu)			
III. XÁC NHẬN CỦA HẢI QUAN CỦA HẢI QUAN NHẬP				IV. THANH KHOẢN CỦA HẢI QUAN CỦA HẢI QUAN NHẬP							
Ngày..... tháng..... năm..... (Ký tên, đóng dấu công chức)				Ngày..... tháng..... năm..... (Ký tên, đóng dấu công chức)							

Ghi chú:

- Cột (7): Ghi loại hàng hóa chung nhất, ví dụ: hàng văn phòng phẩm, tạp hóa, mỹ phẩm, dược phẩm,...
- Cột (12): Ghi một số lưu ý về cont hàng hóa như: hàng đã được gia cố, đóng gói lại,.... (nếu có)

Mẫu số 01

BẢN KÊ HÀNG HÓA QUÁ CẢNH*(Bản lưu người khai hải quan)*

1. Đơn vị kinh doanh dịch vụ quá cảnh:
2. Phương tiện vận tải:
 - Tên phương tiện:..... số hiệu/chuyên.....
 - Ngày nhập cảnh:...../...../.....
 - Cảng dỡ hàng.....
 - Địa điểm, thời gian lưu kho:.....
3. Giấy phép quá cảnh (nếu có):
 - Số, ngày giấy phép, ngày hiệu lực.....

I. PHẦN KÊ KHAI HÀNG NHẬP CẢNH				II. PHẦN KÊ KHAI HÀNG XUẤT CẢNH							
Số TT	Số vận đơn	Loại cont		Số cont, số seal hăng tàu	Trọng lượng (kgs)	Tên hàng	Tên, địa chỉ chủ hàng	Tên PTVT	Ngày xuất cảnh	Nước xuất cảnh	Ghi chú (tình trạng hàng hóa)
		20'	40' khác								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
										
										
Tổng cộng:							
				Ngày..... tháng..... năm..... (Ký tên, đóng dấu doanh nghiệp)				Ngày..... tháng..... năm..... (Ký tên, đóng dấu doanh nghiệp)			
III. XÁC NHẬN CỦA HẢI QUAN CỬA KHẨU NHẬP				IV. THANH KHOẢN CỦA HẢI QUAN CỬA KHẨU NHẬP							
Ngày.... tháng.... năm.... (Ký tên, đóng dấu công chức)											

Ghi chú:

- Cột (7): Ghi loại hàng hóa chung nhất, ví dụ: hàng văn phòng phẩm, tạp hóa, mỹ phẩm, dược phẩm,...
- Cột (12): Ghi một số lưu ý về cont hàng hóa như: hàng đã được gia cố, đóng gói lại,.... (nếu có)

Mẫu số 02

BẢNG KÊ TẠM NHẬP HOẶC TẠM XUẤT CONTAINER/BỒN MỀM RỖNG
(Bản Hải quan lưu)

1. Người khai hải quan (ghi tên, địa chỉ, mã số thuế):
2. Hợp đồng (nếu có) số:
3. Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập hoặc tạm xuất:
4. Thời hạn đăng ký: ngày tạm nhập:/...../..... ngày tái xuất:/...../.....
5. Thời hạn đăng ký: ngày tạm xuất:/...../..... ngày tái nhập:/...../.....

Số lượng container/bồn mềm tạm nhập hoặc tạm xuất	Container/bồn mềm tái xuất hoặc tái nhập						Số lượng container/bồn mềm chưa tái xuất hoặc tái nhập		Người khai hải quan (kỳ, ghi rõ họ tên)	Công chức hải quan (kỳ, đóng dấu công chức)			
	20 feet		40 feet		loại khác		20 feet	40 feet			loại khác		
	Ngày	Số lượng	Ngày	Số lượng	Ngày	Số lượng							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)

Ngày..... tháng..... năm.....
(15) NGƯỜI KHAI HẢI QUAN
(Kỳ tên, đóng dấu)

Ngày..... tháng..... năm.....
(16) HQ XÁC NHẬN THANH KHOẢN
(Kỳ tên, đóng dấu công chức)

Hướng dẫn sử dụng:

- Bảng kê này dùng chung cho tạm nhập hoặc tạm xuất, khi khai tạm nhập thì gạch bỏ chữ tạm xuất và ngược lại;
- Cột (1), (2), (3): Người khai hải quan ghi tổng số container/bồn mềm từng loại khi tạm nhập hoặc tạm xuất, ký vào mục (15);
- Các cột (4), (5), (6), (7), (8) và (9): Người khai hải quan khai số lượng container/bồn mềm tái xuất hoặc tái nhập từng lần; số lượng còn lại cột (10), (11), (12) và ký vào cột (13);
- Cột (14) công chức hải quan ký xác nhận từng lần theo nội dung khai của người khai hải quan từ cột (4) đến cột (12);
- Khi số lượng container/bồn mềm tạm nhập - tái xuất hết hoặc tạm xuất - tái nhập hết thì công chức hải quan ký xác nhận tại mục (16).

Mẫu số 02

BẢNG KÊ TẠM NHẬP HOẶC TẠM XUẤT CONTAINER/BÓN MỀM RỖNG*(Bản người khai hải quan lưu)*

1. Người khai hải quan (ghi tên, địa chỉ, mã số thuế):.....;
2. Hợp đồng (nếu có) số:.....;
3. Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập hoặc tạm xuất:.....;
4. Thời hạn đăng ký: ngày tạm nhập:...../...../..... ngày tái xuất:...../...../.....;
5. Thời hạn đăng ký: ngày tạm xuất:...../...../..... ngày tái nhập:...../...../.....;

Số lượng container/ bón mềm tạm nhập hoặc tạm xuất	Container/bón mềm tái xuất hoặc tái nhập						Số lượng container/ bón mềm chưa tái xuất hoặc tái nhập			Người khai hải quan <i>(kỳ, ghi rõ họ tên)</i>	Công chức hải quan <i>(kỳ, đóng dấu công chức)</i>		
	20 feet		40 feet		loại khác		20 feet	40 feet	loại khác				
	Ngày	Số lượng	Ngày	Số lượng	Ngày	Số lượng							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)

Ngày..... tháng..... năm.....

(16) HQ XÁC NHẬN THANH KHOẢN*(Kỳ, đóng dấu công chức)*

Ngày..... tháng..... năm.....

(15) NGƯỜI KHAI HẢI QUAN*(Kỳ tên, đóng dấu)***Hướng dẫn sử dụng:**

- Bảng kê này dùng chung cho tạm nhập hoặc tạm xuất, khi khai tạm nhập thì gạch bỏ chữ tạm xuất và ngược lại;
- Cột (1), (2), (3): Người khai hải quan ghi tổng số container/bón mềm từng loại khi tạm nhập hoặc tạm xuất, ký vào mục (15);
- Các cột (4), (5), (6), (7), (8) và (9): Người khai hải quan khai số lượng container/bón mềm tái xuất hoặc tái nhập từng lần; số lượng còn lại cột (10), (11), (12) và ký vào cột (13);
- Cột (14) công chức hải quan ký xác nhận từng lần theo nội dung khai của người khai hải quan từ cột (4) đến cột (12);
- Khi số lượng container/bón mềm tạm nhập - tái xuất hết hoặc tạm xuất - tái nhập hết thì công chức hải quan ký xác nhận tại mục (16).

Mẫu số 03

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm....

ĐƠN XIN THÀNH LẬP.....⁽¹⁾

Kính gửi:

- Tổng cục Hải quan;
- Cục Hải quan tỉnh, TP....

1. Doanh nghiệp xin thành lập:

- Tên doanh nghiệp:..... Mã số thuế:.....
- Trụ sở chính tại:.....
- Số điện thoại:..... Số fax:.....
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:..... ngày..... tháng..... năm.....;
- Cơ quan cấp:.....
- Ngành nghề kinh doanh:..... (chỉ kê ngành nghề kinh doanh liên quan đến điều kiện thành lập địa điểm).

2. Xin thành lập⁽¹⁾..... tại.....**3. Khu vực thành lập địa điểm có diện tích:..... m2.**

Tổng diện tích:..... m2, trong đó:

- Diện tích nhà kho:..... m2;
- Diện tích bãi:..... m2.
- Diện tích kho chứa tang vật (nếu có):..... m2;
- Văn phòng làm việc của Hải quan kho:..... m2;
- Các công trình phụ trợ (nếu có)..... m2

4. Hồ sơ kèm theo đơn:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 01 bản chụp;
- Chứng từ hợp pháp về quyền sử dụng kho, bãi: 01 bản chụp;
- Sơ đồ thiết kế khu vực kho, bãi: 01 bản chụp;
-

Cam đoan các nội dung trên là đúng. Cam kết chấp hành và thực hiện đúng các quy định pháp luật về hoạt động của.....⁽¹⁾.

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Ghi chú: (1) Ghi tên địa điểm đề nghị thành lập (địa điểm làm thủ tục hải quan, địa điểm kiểm tra hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở nội địa, kho ngoại quan, kho hàng không kéo dài)

Mẫu số 4

BẢNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG NGUYÊN LIỆU, VẬT TƯ ĐƯA VÀO, ĐƯA RA KHO BẢO THUẾ
Kỳ báo cáo: Quý..... Năm.....

Tên, mã số tổ chức, cá nhân:.....

Địa chỉ:.....

Đơn vị Hải quan làm thủ tục:.....

STT	Tên nguyên liệu, vật liệu	Mã HS	Đơn vị tính	Lượng NL, VT tồn kho đầu kỳ	Lượng NL, VT nhập kho trong kỳ	Lượng NL, VT xuất kho trong kỳ	Lượng NL, VT tồn kho cuối kỳ	Lượng NL, VT dự kiến nhập kho trong kỳ tới	Lượng NL, VT dự kiến sử dụng trong kỳ tới
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Nguyên liệu 1								
2	Nguyên liệu 2								
3	Vật liệu 1								
4	Vật liệu 2								

Ngày..... tháng..... năm....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 5

**BÁO CÁO QUYẾT TOÁN TÌNH HÌNH SỬ DỤNG NGUYÊN LIỆU, VẬT TƯ ĐƯA VÀO,
ĐƯA RA KHO BẢO THƯẾ THEO NĂM**

Kỳ báo cáo: Năm.....

Tên, mã số tổ chức, cá nhân:.....

Địa chỉ:.....

Đơn vị Hải quan làm thủ tục:.....

STT	Nguyên liệu, vật tư							Hàng hóa xuất khẩu			Ghi chú
	Tên nguyên liệu, vật tư	Mã HS	Đơn vị tính	Tồn kho đầu kỳ	Nhập kho trong kỳ	Xuất kho trong kỳ	Tồn kho cuối kỳ	Tên sản phẩm	Mã HS	Số lượng	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Nguyên liệu 1										
2	Nguyên liệu 2										
3	Vật liệu 1										
4	Vật liệu 2										

Ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Tổ chức, cá nhân thống kê tổng số tờ khai nhập khẩu, tổng số tờ khai xuất khẩu trong kỳ kèm theo báo cáo này.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: <http://congbao.chinhphu.vn>
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng